

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
CÔNG ĐOÀN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **301** /CDCT-TGNC
V/v tham gia cuộc thi trực tuyến
“Công nhân, viên chức, lao động tìm hiểu
về Luật Công đoàn và Luật Bảo hiểm
xã hội năm 2024”

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Công đoàn cấp trên cơ sở, Công đoàn cơ sở trực thuộc
Công đoàn Công Thương Việt Nam

Thực hiện Công văn 286/TLĐ-QHLD ngày 15/8/2025 về việc tham gia cuộc thi trực tuyến "Công nhân, viên chức, lao động tìm hiểu về Luật Công đoàn và Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024", nhằm tuyên truyền, động viên đoàn viên, người lao động tích cực hưởng ứng Cuộc thi, Công đoàn Công Thương Việt Nam đề nghị các đơn vị triển khai một số nội dung sau:

1. Thông tin, phổ biến Thẻ lệ Cuộc thi, bộ câu hỏi (*gửi kèm theo công văn này*) tới công đoàn cơ sở trực thuộc, đoàn viên, người lao động để đoàn viên, người lao động được tiếp cận thông tin đầy đủ, thu hút đông đảo các đối tượng tham gia Cuộc thi.

2. Hướng dẫn đoàn viên, người lao động truy cập vào địa chỉ <https://cuocsongantoan.laodongcongdoan.vn> hoặc quét mã QR code để tham dự Cuộc thi. Người dự thi tham gia đầy đủ 03 phần thi gồm trắc nghiệm kiến thức, dự đoán số người tham dự và làm bài luận ngắn, thời gian làm bài tối đa 45 phút và mỗi người chỉ được tham gia làm bài 01 lần.

3. Hướng dẫn đoàn viên truy cập vào Chatbot hỗ trợ Cuộc thi để được hỗ trợ thông tin, kiến thức liên quan đến các câu hỏi và Cuộc thi.

4. Phân công cán bộ công đoàn có hiểu biết về công nghệ thông tin để hỗ trợ công đoàn cơ sở, đoàn viên, người lao động tham gia Cuộc thi.

Quá trình triển khai nếu có vướng mắc liên hệ Ban QHLD (đ/c Bùi Thị Thoả, điện thoại: 0988.345.303), Viện Chính sách và Chiến lược Mặt trận (đ/c Cao Thị Hoà, điện thoại: 0975.237.998) đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, TGNC

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Đức

Mã QR code để tham dự Cuộc thi:



TÀI LIỆU THAM KHẢO TRỰC TUYẾN THÔNG QUA CHATBOT HỖ TRỢ CUỘC THI

1. Mục đích của Chatbot hỗ trợ cuộc thi

Chatbot được thiết lập nhằm giúp người chơi:

- ✓ **Tìm hiểu nhanh chóng và chính xác về Luật Công đoàn và Luật BHXH năm 2024.**
- ✓ **Tra cứu tài liệu và câu hỏi thường gặp một cách tiện lợi.**
- ✓ **Nắm rõ thể lệ và cách thức tham gia cuộc thi.**
- ✓ **Tìm kiếm đáp án đúng một cách nhanh nhất để đạt kết quả cao trong cuộc thi.**

2. Nội dung tài liệu tham khảo trong Chatbot

- ✧ **Toàn văn Luật Công đoàn và Luật BHXH năm 2024**
- ✧ **Các điểm mới, thay đổi quan trọng trong luật**
- ✧ **Giải đáp các câu hỏi thường gặp về luật**
- ✧ **Thể lệ chi tiết và hướng dẫn tham gia cuộc thi**
- ✧ **Gợi ý, hỗ trợ tìm kiếm thông tin để trả lời câu hỏi nhanh chóng**

3. Cách truy cập Chatbot hỗ trợ cuộc thi
Người chơi có thể truy cập Chatbot qua đường link sau:

🔗 <https://chatgpt.com/g/g-67ad6fe3bfd08191b0d4f50c5bda2763-cuoc-thi-cnvcnld-tim-hieu-luat-cd-va-bhxx-2025>

Tại đây, người chơi có thể dễ dàng tìm kiếm thông tin, đặt câu hỏi và nhận phản hồi nhanh chóng để chuẩn bị tốt nhất trước khi tham gia cuộc thi.

4. Hướng dẫn đăng nhập và đăng ký tài khoản Chatbot

◆ **Đối với người đã có tài khoản:**

- Truy cập: <https://chatgpt.com/g/g-67ad6fe3bfd08191b0d4f50c5bda2763-cuoc-thi-cnvcnld-tim-hieu-luat-cd-va-bhxx-2025>
- Nhập tài khoản và mật khẩu để đăng nhập.

◆ **Đối với người chưa có tài khoản:**

- Truy cập: <https://chatgpt.com/g/g-67ad6fe3bfd08191b0d4f50c5bda2763-cuoc-thi-cnvcnld-tim-hieu-luat-cd-va-bhxx-2025>
- Chọn **“Đăng ký tài khoản”**
- Nhập thông tin cần thiết (họ tên, email/số điện thoại, mật khẩu)
- Xác nhận thông tin qua email/số điện thoại và hoàn tất đăng ký.
- Sau khi đăng ký thành công, quay lại Chatbot và đăng nhập để sử dụng.

📱 Mã QR tham dự cuộc thi



Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

**THẺ LỆ CUỘC THI TRỰC TUYẾN
“CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC, LAO ĐỘNG TÌM HIỂU
VỀ LUẬT CÔNG ĐOÀN VÀ LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI NĂM 2024”**

Căn cứ Kế hoạch số 07/KH-TLĐ ngày 17/7/2025 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về tổ chức cuộc thi trực tuyến “*Công nhân, viên chức, lao động tìm hiểu về Luật Công đoàn và Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024*”;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-TLĐ ngày 18/11/2015 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc thành lập Ban Tổ chức cuộc thi trực tuyến “*Công nhân, viên chức, lao động tìm hiểu về Luật Công đoàn và Luật Bảo hiểm Xã hội năm 2024*”;

Ban Tổ chức ban hành Thẻ lệ cuộc thi trực tuyến “*Công nhân, viên chức, lao động tìm hiểu về Luật Công đoàn và Luật Bảo hiểm Xã hội năm 2024*” cụ thể như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG THAM GIA

Đoàn viên công đoàn, công nhân, viên chức, người lao động đang công tác, làm việc tại các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức trong cả nước.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN THI

1. Nội dung cuộc thi

Tìm hiểu các kiến thức về Luật Công đoàn năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Bảo hiểm Xã hội năm 2024.

2. Hình thức

Cuộc thi được tổ chức theo hình thức trực tuyến trên chuyên trang “Cuộc sống an toàn” của Viện Chiến lược và Chính sách Mặt trận tại địa chỉ <https://cuocsongantoan.laodongcongdoan.vn> hoặc quét mã QR của cuộc thi để đăng ký và tham gia.

3. Thời gian

- Thời gian bắt đầu cuộc thi: Từ 0h00 ngày 19/8/2025
- Thời gian kết thúc cuộc thi: 0h00 ngày 01/10/2025
- Thời gian trao giải dự kiến: Cuối tháng 10/2025.

III. CẤU TRÚC ĐỀ THI, CÁCH THỨC DỰ THI VÀ CHẤM THI

Cấu trúc đề thi

- Đề thi được thiết kế gồm 03 phần:

+ Phần kiến thức (20 câu hỏi câu hỏi trắc nghiệm, được máy tính lựa chọn ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi của Ban Tổ chức cuộc thi);

+ Phần dự đoán số người tham dự cuộc thi (01 câu hỏi);

+ Phần trình bày suy nghĩ, chia sẻ mong ước, cảm nhận, câu chuyện hay, ấn tượng hoặc vấn đề bất cập (gọi chung là bài luận ngắn) trong thực hiện Luật Công đoàn hoặc Luật Bảo hiểm Xã hội (không quá 1.000 chữ).

- Mỗi câu hỏi kiến thức có từ 02 đến 04 phương án trả lời, người dự thi chỉ được lựa chọn 01 (một) phương án trả lời đúng nhất.

- Thời gian làm bài thi: Tối đa 45 phút, thí sinh phải hoàn thành cả ba phần mới được nộp bài.

2. Cách thức dự thi

Bước 1: Truy cập trang chính thức của cuộc thi

Người dự thi sử dụng các thiết bị đa phương tiện có kết nối Internet truy cập vào trang (<https://cuocsongantoan.laodongcongdoan.vn>)/Cuộc thi trực tuyến “Công nhân, viên chức, lao động tìm hiểu về Luật Công đoàn và Luật BHXH” hoặc quét mã QR Code của Cuộc thi để tham gia Cuộc thi.

Bước 2: Điền thông tin

Sau khi truy cập vào trang (<https://cuocsongantoan.laodongcongdoan.vn>), thí sinh phải điền đầy đủ, chính xác thông tin cá nhân vào các trường thông tin đã được mặc định, bao gồm:

(1) Họ và tên;

(2) Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân;

(3) Số điện thoại liên lạc;

(4) Địa chỉ thường trú/tạm trú (*xã, phường, đặc khu - tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương*);

(5) Đơn vị công tác (*thí sinh điền thông tin đơn vị đang làm việc, công tác*);

(6) Liên đoàn Lao động địa phương, Công đoàn ngành (*Thí sinh chọn Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương và tương đương có sẵn trên hệ thống*).

Sau khi điền đầy đủ các thông tin nêu trên, thí sinh chọn nút “**Vào thi**” để bắt đầu trả lời các câu hỏi do Ban Tổ chức cuộc thi trực tuyến “Công nhân viên chức lao động tìm hiểu về Luật Công đoàn và Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024” (Ban Tổ chức) đưa ra.

Bước 3: Thực hiện bài thi

Thí sinh thực hiện bài thi theo 03 phần thi. Sau khi hoàn thành xong các phần thi, thí sinh bấm vào nút “**Nộp bài thi**” để kết thúc dự thi.

Lưu ý:

- Quá trình thực hiện bài thi, thí sinh có thể sử dụng chatbot hỗ trợ để tham khảo phương án trả lời qua phần Tài liệu tham khảo. - Thông tin của người dự thi là căn cứ để Ban Tổ chức xét và trao giải. Ban Tổ chức không công nhận kết quả đối với thí sinh đăng ký thông tin cá nhân không chính xác.

- Thí sinh phải thực hiện đủ 03 phần thi mới thực hiện được bước “Nộp bài thi” để hoàn thành bài thi.

- Mỗi thí sinh dự thi chỉ được tham gia thi 01 lần.

3. Cách thức chấm thi

Kết quả cuộc thi sẽ được xét qua hai vòng thi: Vòng sơ khảo và chung khảo.

3.1. Vòng sơ khảo

- Ban giám khảo chấm điểm trên phần thi kiến thức: Mỗi câu trả lời đúng được tính 02 điểm. Tổng số điểm phần thi kiến thức tối đa là 40 điểm.

- Chọn 500 thí sinh vào vòng chung khảo. Tiêu chí lựa chọn thí sinh vào vòng chung khảo theo thứ tự sau:

- + Có số điểm phần thi kiến thức cao nhất;
- + Kết quả dự đoán số người tham dự cuộc thi gần nhất với tổng số người tham dự cuộc thi tính đến cuối kỳ;
- + Thời gian làm bài thi nhanh nhất.

3.2. Vòng chung khảo

Ban Giám khảo chấm bài luận ngắn của 500 thí sinh được chọn từ vòng sơ khảo để chọn ra những thí sinh có phần trình bày sâu sắc nhất theo tiêu chí của Cuộc thi và trao giải từ cao xuống thấp. Tổng số điểm chấm bài luận ngắn tối đa là 60 điểm.

Một số tiêu chí cơ bản chấm phần thi viết:

- Bài viết bằng ngôn ngữ tiếng Việt, mạch lạc, rõ ràng (Tối đa 10 điểm).
- Bài viết thể hiện nhận thức đúng đắn, sâu sắc, toàn diện về vấn đề (Tối đa 30 điểm).
- Bài viết có liên hệ thực tế một cách thuyết phục, ý nghĩa (Tối đa 20 điểm).

IV. CÁCH XÉT GIẢI, ĐIỀU KIỆN ĐẠT GIẢI

1. Đối với giải thưởng cá nhân

- Thí sinh đạt giải là thí sinh được vào vòng chung khảo và có bài viết sâu sắc theo tiêu chí của cuộc thi nêu tại mục 3.2 phần III của thể lệ này.

- Thứ tự giải thưởng sẽ được Ban Tổ chức lựa chọn từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng giải theo quy định.

- Trong trường hợp có nhiều thí sinh dự thi (từ 02 người trở lên) có bài dự thi đạt điểm số bằng nhau, Ban Tổ chức sẽ căn cứ theo thứ tự các tiêu chí sau để xếp hạng:

- + Có số điểm phần thi kiến thức cao nhất.
- + Thời gian làm bài thi nhanh nhất.

- Trong trường hợp tất cả các tiêu chí xét duyệt đều bằng nhau, Ban Tổ chức quyết định trao giải thưởng dựa vào đánh giá bài luận ngắn.

2. Đối với giải thưởng cho tập thể (liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương và tương đương; công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

- Ban Tổ chức sẽ xét giải căn cứ vào:

+ Đơn vị có tổng số thí sinh tham gia dự thi đông nhất.

+ Đơn vị có tỷ lệ người dự thi trên tổng số đoàn viên công đoàn cao nhất (số liệu đoàn viên công đoàn do Ban Quan hệ lao động cung cấp tính đến 01/7/2025).

- Ban Tổ chức căn cứ thành tích của tập thể để trao giải thưởng từ cao xuống thấp cho đến khi chọn đủ số lượng giải theo quy định tại Kế hoạch 07/KH-TLĐ.

- Trường hợp có nhiều tập thể (từ 02 đơn vị trở lên) có tổng số thí sinh tham gia dự thi và tỷ lệ người dự thi trên tổng số đoàn viên bằng nhau thì Ban Tổ chức sẽ căn cứ vào tiêu chí số lượng thí sinh thuộc tập thể nào có cá nhân đạt giải cao hơn sẽ được xếp thứ tự trao giải cao hơn.

3. Các quy định khác

3.1. Trong quá trình tổ chức Cuộc thi, nếu có vấn đề phát sinh ngoài quy định của Kế hoạch này, Ban Tổ chức sẽ quyết định, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn.

3.2. Ban Giám khảo căn cứ kế hoạch, thang điểm và những nội dung sửa đổi, bổ sung của Ban Tổ chức để thống nhất việc chấm điểm, đánh giá thí sinh qua các phần thi.

3.3. Thí sinh cung cấp đầy đủ, đúng các thông tin bắt buộc.

3.4. Trong quá trình thi, Ban Tổ chức không chịu trách nhiệm đối với lỗi kết nối do đường truyền mạng hoặc lỗi do thiết bị.

3.5. Cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng là Trưởng Ban Tổ chức Cuộc thi.

V. GIẢI THƯỞNG

1. Giải cá nhân

- 01 giải Nhất: Giấy chứng nhận của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và phần thưởng tiền mặt trị giá 10 triệu đồng.

- 03 giải Nhì: Giấy chứng nhận của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và phần thưởng tiền mặt trị giá 07 triệu đồng/giải.

- 10 giải Ba: Giấy chứng nhận của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và phần thưởng tiền mặt trị giá 05 triệu đồng/giải.

- 20 giải Khuyến khích: Giấy chứng nhận của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và phần thưởng tiền mặt trị giá 02 triệu đồng/giải.

2. Giải tập thể

- 02 giải Nhất (01 giải cho đơn vị có số lượng thí sinh tham gia dự thi đông nhất và 01 giải cho đơn vị có tỷ lệ người dự thi trên tổng số đoàn viên cao nhất): Giấy chứng nhận của Tổng Liên đoàn và phần thưởng tiền mặt trị giá 15 triệu đồng.

- 03 giải Nhì: Giấy chứng nhận của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và phần thưởng tiền mặt trị giá 10 triệu đồng/giải.

- 07 giải Ba: Giấy chứng nhận của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và phần thưởng tiền mặt trị giá 07 triệu đồng/giải.

- 10 giải Khuyến khích: Giấy chứng nhận của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và phần tiền thưởng trị giá 5 triệu đồng/giải.

Tiền thưởng được trao trực tiếp tại Lễ tổng kết và trao giải Cuộc thi hoặc chuyển tới số tài khoản ngân hàng của người đạt giải (*theo thông tin cá nhân người đạt giải cung cấp*).

3. Trao giải thưởng

- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam sẽ trao Giấy chứng nhận, phần thưởng tiền mặt cho tập thể, cá nhân đoạt giải tại Lễ trao giải hoặc liên hệ để trao giải bằng hình thức phù hợp.

- Thông tin về giải thưởng, kết quả thi của cá nhân, tập thể đoạt giải sẽ được công bố trên các ấn phẩm của Viện Chiến lược và Chính sách Mật trận.

- Ban Tổ chức sẽ gửi thông báo đến liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương và tương đương; công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về kết quả đoạt giải của các tập thể, cá nhân trực thuộc. Ban Tổ chức có quyền không trao thưởng nếu thông tin của thí sinh đoạt giải không trùng với thông tin trên bài dự thi.

VI. THÔNG TIN LIÊN HỆ

1. Tra cứu, tìm hiểu thông tin, thể lệ, hướng dẫn, giải đáp, cập nhật hoạt động, công bố kết quả giải thưởng tập thể, cá nhân của Cuộc thi tại địa chỉ <https://cuocsongantoan.laodongcongdan.vn>, chuyên trang của Viện Chiến lược và Chính sách Mật trận .

2. Thường trực Cuộc thi

- Ban Quan hệ Lao động : Liên hệ trực tiếp qua đồng chí Bùi Thị Thỏa, chuyên viên chính Ban Quan hệ lao động, số điện thoại 0988.345.303

- Viện Chiến lược và Chính sách Mật trận, liên hệ trực tiếp qua đồng chí Cao Thị Hòa, Viện Chiến lược và Chính sách Mật trận, điện thoại: 0975.237.998./.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2025

BỘ CÂU HỎI THI TRỰC TUYẾN “CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC, LAO ĐỘNG TÌM HIỂU VỀ LUẬT CÔNG ĐOÀN VÀ LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI”

I. LUẬT CÔNG ĐOÀN (154 CÂU)

STT	NỘI DUNG
1	Câu 1: Công đoàn Việt Nam thuộc loại hình tổ chức nào sau đây? A. Tổ chức kinh tế B. Tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân và người lao động C. Tổ chức phi chính phủ D. Tổ chức từ thiện độc lập Đáp án: B
2	Câu 2: Công đoàn Việt Nam là thành viên trong hệ thống chính trị do tổ chức nào lãnh đạo? A. Quốc hội Việt Nam B. Chính phủ Việt Nam C. Đảng Cộng sản Việt Nam D. Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh Đáp án: C
3	Câu 3: Một trong những chức năng quan trọng của Công đoàn Việt Nam là gì? A. Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động B. Chỉ hỗ trợ tài chính cho người lao động C. Quản lý toàn bộ doanh nghiệp tại Việt Nam D. Tổ chức các hoạt động kinh doanh độc lập Đáp án: A
4	Câu 4: Công đoàn Việt Nam thực hiện những hoạt động nào sau đây? A. Tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội B. Giám sát, phản biện xã hội C. Tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
5	Câu 5: Đối tượng nào sau đây có quyền gia nhập Công đoàn Việt Nam A. Tổ chức của người sử dụng lao động B. Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp

	C. Cơ quan nhà nước D. Không quy định Đáp án: B
6	Câu 6: Quyền công đoàn bao gồm những nội dung nào sau đây? A. Quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn của người lao động, đoàn viên công đoàn B. Quyền của tổ chức Công đoàn theo quy định của pháp luật C. Cả A và B đều đúng D. Quyền của người sử dụng lao động đối với Công đoàn Đáp án: C
7	Câu 7: Công đoàn cơ sở được công nhận bởi cơ quan nào? A. Công đoàn cấp tỉnh, công đoàn ngành trung ương và tương đương B. Chính phủ C. Người sử dụng lao động D. Bộ Nội vụ Đáp án: A
8	Câu 8: Nghiệp đoàn cơ sở được thành lập để tập hợp đối tượng nào? A. Những người làm việc không có quan hệ lao động, cùng ngành, nghề hoặc lao động đặc thù khác B. Chỉ công nhân tại các khu công nghiệp C. Chỉ người lao động làm việc trong cơ quan nhà nước D. Người lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài Đáp án: A
9	Câu 9: Ai được xác định là cán bộ công đoàn? A. Công dân Việt Nam được bầu cử, tuyển dụng, bổ nhiệm, chỉ định để thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn B. Mọi người lao động trong doanh nghiệp C. Chỉ những người làm việc trong cơ quan nhà nước D. Người sử dụng lao động Đáp án: A
10	Câu 10: Cán bộ công đoàn chuyên trách là ai? A. Người sử dụng lao động kiêm nhiệm công tác công đoàn B. Người lao động được cấp trên chỉ định tham gia Công đoàn C. Người được bầu cử, tuyển dụng, bổ nhiệm, chỉ định để đảm nhiệm thường xuyên công việc trong tổ chức Công đoàn D. Công chức, viên chức nhà nước Đáp án: C
11	Câu 11: Cán bộ công đoàn không chuyên trách là ai? A. Người được công đoàn các cấp bầu cử hoặc cấp có thẩm quyền chỉ định để kiêm nhiệm công việc công đoàn B. Người lao động được doanh nghiệp cử đi học nghiệp vụ công đoàn C. Người sử dụng lao động có tham gia các hoạt động công đoàn

	D. Công chức của Bộ Nội vụ Đáp án: A
12	Câu 12: Ai có thể trở thành đoàn viên công đoàn? A. Chỉ những người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước B. Người lao động được kết nạp hoặc công nhận vào Công đoàn Việt Nam theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam C. Chỉ cán bộ công đoàn chuyên trách D. Người sử dụng lao động Đáp án: B
13	Câu 13: Điều lệ Công đoàn Việt Nam là gì? A. Văn bản do Đại hội Công đoàn Việt Nam thông qua, quy định về tôn chỉ, mục đích, nguyên tắc tổ chức, hoạt động, cơ cấu tổ chức bộ máy của Công đoàn Việt Nam B. Quy định riêng do doanh nghiệp tự xây dựng cho tổ chức công đoàn tại cơ sở C. Văn bản do Tổng Liên đoàn ban hành D. Luật do Quốc hội ban hành Đáp án: A
14	Câu 14: Điều lệ Công đoàn Việt Nam quy định những nội dung nào? A. Điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập, gia nhập, giải thể và chấm dứt hoạt động công đoàn B. Quyền, trách nhiệm của tổ chức công đoàn các cấp và của đoàn viên công đoàn C. Tài chính, tài sản của Công đoàn D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
15	Câu 15: Cơ quan nào có thẩm quyền thông qua Điều lệ Công đoàn Việt Nam? A. Đại hội Công đoàn Việt Nam B. Quốc hội Việt Nam C. Chính phủ D. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tự quyết định Đáp án: A
16	Câu 16: Ai có quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn theo Luật Công đoàn? A. Chỉ công nhân trong doanh nghiệp nhà nước B. Người lao động Việt Nam C. Chỉ cán bộ, công chức, viên chức D. Chỉ đoàn viên công đoàn hiện tại Đáp án: B
17	Câu 17: Công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam có được gia nhập và hoạt động công đoàn tại Việt Nam không? A. Không được phép

	B. Chỉ được phép nếu có hợp đồng lao động từ đủ 12 tháng trở lên và chỉ hoạt động tại công đoàn cơ sở C. Được phép tham gia bất kỳ cấp công đoàn nào D. Chỉ được gia nhập công đoàn cấp trung ương Đáp án: B
18	Câu 18: Việc thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn phải tuân theo những quy định nào? A. Điều lệ Công đoàn Việt Nam B. Luật Công đoàn C. Các quy định pháp luật có liên quan D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
19	Câu 19: Điều kiện để tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp có quyền gia nhập Công đoàn Việt Nam là gì? A. Được thành lập và hoạt động hợp pháp, tự nguyện và tán thành Điều lệ Công đoàn Việt Nam B. Phải có trên 100 thành viên C. Chỉ cần có sự đồng ý của người sử dụng lao động D. Được thành lập bởi doanh nghiệp nhà nước Đáp án: A
20	Câu 20: Khi tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp được công nhận gia nhập Công đoàn Việt Nam, điều gì xảy ra? A. Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp đương nhiên chấm dứt hoạt động với tư cách tổ chức độc lập B. Tổ chức đó vẫn hoạt động song song với Công đoàn Việt Nam C. Không có thay đổi gì về tư cách pháp lý D. Doanh nghiệp phải hỗ trợ tài chính cho tổ chức này Đáp án: A
21	Câu 21: Công đoàn được thành lập trên cơ sở nào sau đây? A. Bắt buộc theo quyết định của Nhà nước B. Tự nguyện C. Do doanh nghiệp đề xuất D. Theo chỉ đạo của người sử dụng lao động Đáp án: B
22	Câu 22: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam là gì? A. Tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam B. Phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước C. Hợp tác, phối hợp với người sử dụng lao động và bảo đảm tính độc lập của tổ chức Công đoàn D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D

23	Câu 23: Công đoàn Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc nào? A. Tập trung dân chủ B. Hợp tác, phối hợp với người sử dụng lao động và bảo đảm tính độc lập của tổ chức Công đoàn C. Tự quản hoàn toàn D. Cả đáp án A, B đều đúng. Đáp án: D
24	Câu 24: Công đoàn Việt Nam gồm những cấp nào sau đây? A. Cấp trung ương là Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam B. Công đoàn cấp trên cơ sở C. Công đoàn cấp cơ sở gồm công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở D. Tất cả đáp án trên Đáp án: D
25	Câu 25: Cơ quan nào là cấp trung ương của Công đoàn Việt Nam? A. Công đoàn ngành trung ương B. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam C. Liên đoàn lao động cấp tỉnh D. Công đoàn cơ sở Đáp án: B
26	Câu 26: Công đoàn cấp trên cơ sở bao gồm tổ chức nào sau đây? A. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố B. Công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam C. Công đoàn cấp trên cơ sở đặc thù D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
27	Câu 27: Công đoàn cấp cơ sở gồm những tổ chức nào sau đây? A. Công đoàn ngành trung ương B. Công đoàn tổng công ty C. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở D. Liên đoàn lao động cấp huyện Đáp án: C
28	Câu 28: Mô hình tổ chức công đoàn được xây dựng theo hướng nào? A. Đóng, cố định và không thay đổi B. Mở, linh hoạt, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của đoàn viên công đoàn, người lao động C. Cứng nhắc, rập khuôn theo mô hình doanh nghiệp nhà nước D. Chỉ phục vụ cho công nhân tại các khu công nghiệp Đáp án: B
29	Câu 29: Việc thành lập, giải thể và chấm dứt hoạt động của tổ chức Công đoàn thực hiện theo quy định nào? A. Luật Doanh nghiệp

	B. Điều lệ Công đoàn Việt Nam C. Quyết định của doanh nghiệp D. Nghị định của Chính phủ Đáp án: B
30	Câu 30: Hợp tác quốc tế về công đoàn cần đảm bảo nguyên tắc nào dưới đây? A. Bình đẳng, tôn trọng thể chế chính trị của nhau B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau C. Nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam và Công đoàn Việt Nam trên trường quốc tế D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
31	Câu 31: Theo Luật Công đoàn, hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm ? A. Cản trở, gây khó khăn trong việc thực hiện quyền công đoàn B. Hỗ trợ công đoàn thực hiện nhiệm vụ của mình C. Tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức về công đoàn D. Tuyên dương cán bộ công đoàn xuất sắc Đáp án: A
32	Câu 32: Người sử dụng lao động có được yêu cầu người lao động không tham gia Công đoàn để được tuyển dụng hay gia hạn hợp đồng không? A. Có B. Không C. Chỉ trong doanh nghiệp tư nhân D. Chỉ với lao động thời vụ Đáp án: B
33	Câu 33: Hành vi phân biệt đối xử vì lý do công đoàn nào sau đây bị nghiêm cấm ? A. Sa thải, kỷ luật hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động B. Phân biệt đối xử về tiền lương, thưởng, phúc lợi C. Kỳ thị về giới, dân tộc, tôn giáo D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
34	Câu 34: Người sử dụng lao động không được thực hiện hành vi nào sau đây? A. Thông tin không đúng sự thật nhằm hạ thấp uy tín, danh dự của cán bộ công đoàn; B. Hứa hẹn, cung cấp lợi ích vật chất, lợi ích phi vật chất để người lao động, cán bộ công đoàn không tham gia hoạt động công đoàn C. Chi phối, cản trở, gây khó khăn liên quan đến công việc nhằm làm suy yếu hoạt động công đoàn; D. Tất cả các áp án trên Đáp án: D
35	Câu 35: Hành vi nào dưới đây bị nghiêm cấm vì làm suy yếu tổ chức và hoạt động công đoàn?

	A. Chi phối, cản trở, gây khó khăn liên quan đến công việc của công đoàn B. Đe dọa tinh thần hoặc sử dụng biện pháp kinh tế bất lợi đối với công đoàn C. Can thiệp vào quá trình thành lập hoặc hoạt động của công đoàn D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
36	Câu 36: Hành vi nào sau đây bị coi là phân biệt đối xử vì lý do thành lập, gia nhập hoặc hoạt động công đoàn? A. Thông tin không đúng sự thật nhằm hạ thấp uy tín, danh dự của cán bộ công đoàn B. Tham gia đối thoại với công đoàn về quyền lợi người lao động C. Phối hợp với công đoàn tổ chức các hoạt động nâng cao tay nghề D. Hỗ trợ kinh phí hợp pháp cho hoạt động công đoàn Đáp án: A
37	Câu 37: Hành vi nào sau đây liên quan đến tài chính công đoàn bị pháp luật nghiêm cấm? A. Không đóng kinh phí công đoàn theo quy định B. Chậm đóng hoặc đóng không đúng mức quy định C. Quản lý, sử dụng kinh phí công đoàn không đúng quy định D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
38	Câu 38: Hành vi nào sau đây liên quan đến quyền công đoàn bị nghiêm cấm ? A. Lợi dụng quyền công đoàn để vi phạm pháp luật và xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tổ chức, cá nhân B. Bảo vệ quyền lợi chính đáng của đoàn viên công đoàn, người lao động C. Tổ chức hội thảo nâng cao nhận thức về quyền công đoàn D. Đại diện người lao động tham gia thương lượng tập thể Đáp án: A
39	Câu 39: Hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm trong hoạt động thông tin về công đoàn? A. Đưa tin đúng sự thật về hoạt động công đoàn B. Kích động, xuyên tạc, phỉ báng về tổ chức và hoạt động công đoàn C. Tuyên truyền về quyền lợi và nghĩa vụ của đoàn viên công đoàn D. Giới thiệu các chương trình hỗ trợ người lao động của công đoàn Đáp án: B
40	Câu 40: Nếu người lao động bị sa thải do tham gia hoạt động công đoàn, tổ chức công đoàn có thể làm gì? A. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết B. Không có quyền can thiệp C. Chỉ có thể thương lượng với doanh nghiệp D. Chờ người lao động khiếu kiện rồi mới hỗ trợ Đáp án: A

41	Câu 41: Hành vi nào sau đây vi phạm quyền công đoàn của người lao động? A. Cản trở, gây khó khăn trong việc thực hiện quyền công đoàn B. Yêu cầu người lao động không tham gia tổ chức công đoàn để được giao kết hợp đồng lao động C. Phân biệt đối xử về tiền lương, thưởng vì lý do người lao động tham gia tổ chức công đoàn D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
42	Câu 42: Công đoàn Việt Nam có vai trò gì trong quan hệ lao động ở cấp quốc gia? A. Chỉ là tổ chức hỗ trợ người lao động B. Là đại diện duy nhất của người lao động ở cấp quốc gia trong quan hệ lao động C. Là tổ chức do người sử dụng lao động quản lý D. Là tổ chức độc lập, không có liên hệ với Nhà nước Đáp án: B
43	Câu 43: Công đoàn có quyền đại diện cho tập thể người lao động thực hiện hoạt động nào sau đây? A. Thương lượng tập thể B. Ký kết và giám sát thực hiện thỏa ước lao động tập thể C. Chủ động thỏa thuận với người sử dụng lao động về điều kiện lao động tốt hơn pháp luật quy định D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
44	Câu 44: Công đoàn có thể đại diện cho người lao động thực hiện quyền gì tại Tòa án? A. Đại diện theo pháp luật cho tập thể người lao động khởi kiện vụ việc lao động B. Đại diện theo ủy quyền của người lao động khởi kiện vụ việc lao động C. Tham gia tố tụng dân sự, hành chính trong vụ việc, vụ án lao động, hành chính, phá sản doanh nghiệp. D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
45	Câu 45: Công đoàn có quyền tham gia xây dựng, ban hành và giám sát việc thực hiện nội dung nào sau đây? A. Thang lương, bảng lương, định mức lao động B. Nội quy lao động C. Quy chế thực hiện dân chủ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
46	Câu 46: Công đoàn có quyền, trách nhiệm gì trong tổ chức hội nghị người lao động? A. Chỉ tham gia quan sát

	B. Phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức theo quy định của pháp luật C. Không liên quan đến công đoàn D. Công đoàn chỉ tổ chức trong doanh nghiệp nhà nước Đáp án: B
47	Câu 47: Công đoàn có thể đối thoại với người sử dụng lao động về vấn đề gì sau đây? A. Chế độ tiền lương, phúc lợi cho người lao động B. Điều kiện làm việc và thời gian làm việc C. Quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của người lao động D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
48	Câu 48: Công đoàn có quyền, trách nhiệm tổ chức hoạt động nào để chăm lo cho đoàn viên công đoàn? A. Hỗ trợ đoàn viên khi ốm đau, thai sản, hoạn nạn B. Động viên, khen thưởng người lao động khi có thành tích C. Tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
49	Câu 49: Công đoàn có thể hỗ trợ người lao động trong những lĩnh vực nào? A. Đào tạo, học nghề, tìm việc làm B. Hướng dẫn, tư vấn về quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng lao động C. Hỗ trợ pháp lý cho người lao động D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
50	Câu 50: Hình thức hỗ trợ pháp lý của công đoàn đối với người lao động bao gồm nội dung nào? A. Tư vấn pháp luật, hướng dẫn giải quyết tranh chấp B. Tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp C. Đại diện ngoài tố tụng trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
51	Câu 51: Công đoàn có thể đầu tư xây dựng những loại công trình nào để phục vụ đoàn viên, người lao động? A. Nhà ở xã hội cho đoàn viên công đoàn, người lao động thuê B. Công trình văn hóa, thể thao phục vụ đoàn viên công đoàn, người lao động C. Hạ tầng kỹ thuật có liên quan để phục vụ đoàn viên công đoàn, người lao động D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
52	Câu 52: Công đoàn có vai trò gì trong việc thúc đẩy bảo đảm bình đẳng giới tại nơi làm việc? A. Không có vai trò gì đặc biệt

	B. Đề xuất chính sách bảo vệ quyền lợi phụ nữ trong lao động C. Kiến nghị các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lao động D. Cả B và C đều đúng Đáp án: D
53	Câu 53: Công đoàn có thể công khai tài chính bằng một trong các hình thức nào dưới đây? A. Niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp B. Thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan C. Đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc thông báo tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hằng năm D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
54	Câu 54: Công đoàn có trách nhiệm gì trong công tác an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp? A. Quản lý toàn bộ hoạt động sản xuất B. Hướng dẫn hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên C. Tham gia điều tra tai nạn lao động D. Cả B và C đều đúng Đáp án: D
55	Câu 55: Công đoàn có thể tham gia vào quá trình nào sau đây? A. Giải quyết tranh chấp lao động B. Giám sát việc thực hiện nội quy lao động C. Kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về vi phạm quyền lao động D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
56	Câu 56: Công đoàn quyền tổ chức hoạt động nào sau đây? A. Tổ chức và lãnh đạo đình công theo quy định của pháp luật B. Yêu cầu người lao động tham gia công đoàn C. Tự ý buộc doanh nghiệp phải đóng cửa D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: A
57	Câu 57: Công đoàn có quyền thương lượng với người sử dụng lao động về những nội dung nào sau đây? A. Điều kiện lao động B. Tiền lương, phúc lợi C. Nội quy lao động D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
58	Câu 58: Công đoàn có quyền, trách nhiệm gì đối với người lao động? A. Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động B. Hỗ trợ đào tạo nghề, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động

	C. Tổ chức các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đoàn viên công đoàn, người lao động D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
59	Câu 59: Công đoàn có quyền, trách nhiệm tham gia với cơ quan nhà nước xây dựng chính sách, pháp luật về lĩnh vực nào sau đây? A. Kinh tế - xã hội, lao động, việc làm B. Tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp C. Bảo hiểm y tế, an toàn, vệ sinh lao động D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
60	Câu 60: Công đoàn có vai trò gì trong việc thực hiện dân chủ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp? A. Tham gia xây dựng và thực hiện quy chế thực hiện dân chủ B. Chỉ đóng vai trò tư vấn, không có quyền tham gia C. Giám sát nhưng không được can thiệp vào quy chế dân chủ D. Không có liên quan đến việc thực hiện dân chủ Đáp án: A
61	Câu 61: Công đoàn có quyền và trách nhiệm gì trong công tác an toàn, vệ sinh lao động? A. Chỉ theo dõi, không có quyền đề xuất B. Thực hiện quyền, trách nhiệm theo quy định pháp luật C. Chỉ có vai trò tư vấn cho doanh nghiệp D. Không có trách nhiệm trong lĩnh vực này Đáp án: B
62	Câu 62: Công đoàn hỗ trợ, bảo vệ quyền lợi của đoàn viên công đoàn, người lao động bằng cách nào? A. Hướng dẫn, hỗ trợ đối thoại, thương lượng tập thể B. Ký kết và giám sát thực hiện thỏa ước lao động tập thể C. Tham gia xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa, ổn định D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
63	Câu 63: Công đoàn có quyền kiến nghị gì nội dung nào sau đây với cơ quan nhà nước có thẩm quyền? A. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của người lao động B. Xem xét các vấn đề mà đoàn viên công đoàn, người lao động quan tâm C. Đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về lao động, công đoàn D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
64	Câu 64: Công đoàn có vai trò gì trong hoạt động thương lượng tập thể? A. Đại diện tập thể người lao động để thương lượng tập thể, ký kết thỏa ước lao động tập thể

	B. Chỉ tham gia với tư cách quan sát viên C. Không có quyền ký kết thỏa ước lao động tập thể D. Công đoàn không có quyền giám sát thực hiện thỏa ước lao động tập thể Đáp án: A
65	Câu 65: Khi phát hiện doanh nghiệp vi phạm quyền lợi của người lao động, công đoàn có quyền làm gì? ? A. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định B. Kêu gọi đình công ngay lập tức để phản đối hành vi vi phạm C. Tự ra quyết định xử phạt doanh nghiệp vi phạm D. Không có quyền can thiệp Đáp án: A
66	Câu 66: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có quyền trình dự án luật, pháp lệnh lên cơ quan nào? A. Chính phủ B. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội C. Tòa án Nhân dân Tối cao D. Bộ Nội vụ Đáp án: B
67	Câu 67: Công đoàn các cấp có quyền gì trong việc xây dựng pháp luật? A. Có quyền xây dựng, ban hành luật B. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật có liên quan đến công đoàn, quyền, nghĩa vụ của người lao động C. Chỉ có quyền giám sát việc thực hiện pháp luật mà không được kiến nghị sửa đổi D. Không có quyền tham gia vào quá trình xây dựng pháp luật Đáp án: B
68	Câu hỏi 68: Chủ tịch công đoàn cơ sở được ai mời tham dự các cuộc họp liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đoàn viên công đoàn, người lao động? A. Chính phủ B. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh C. Người sử dụng lao động D. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Đáp án: C
69	Câu hỏi 69: Chủ tịch công đoàn cơ sở được mời tham dự các cuộc họp, hội nghị khi có nội dung liên quan đến vấn đề gì sau đây? A. Quyền, trách nhiệm của đoàn viên công đoàn B. Quyền, nghĩa vụ của người lao động C. Hoạt động của tổ chức Công đoàn D. Tất cả các phương án trên Đáp án: D

70	Câu 70: Công đoàn có trách nhiệm phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, thanh tra những nội dung nào sau đây? A. Việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội B. Việc thực hiện an toàn, vệ sinh lao động và các quyền, nghĩa vụ của người lao động C. Việc thực hiện pháp luật liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
71	Câu 71: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm mời đại diện Công đoàn tham gia kiểm tra, thanh tra trong trường hợp nào? A. Khi thanh tra, kiểm tra bất kỳ hoạt động nào của doanh nghiệp B. Khi thanh tra, kiểm tra nội dung liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động và tổ chức Công đoàn C. Khi doanh nghiệp có yêu cầu D. Khi Công đoàn có văn bản đề nghị Đáp án: B
72	Câu 72: Khi tham gia kiểm tra, thanh tra, đại diện Công đoàn có quyền gì sau đây? A. Yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra B. Kiến nghị biện pháp ngăn ngừa, sửa chữa, khắc phục hậu quả và xử lý vi phạm pháp luật C. Yêu cầu thực hiện ngay biện pháp khắc phục, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
73	Câu 73: Khi tham gia kiểm tra, thanh tra, đại diện Công đoàn có quyền yêu cầu tạm ngừng hoạt động của doanh nghiệp trong trường hợp nào? A. Khi phát hiện nơi làm việc có yếu tố có hại hoặc yếu tố nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng người lao động B. Khi doanh nghiệp chưa thực hiện đầy đủ chính sách bảo hiểm xã hội C. Khi phát hiện doanh nghiệp không có tổ chức Công đoàn D. Khi doanh nghiệp không đồng ý với kiến nghị của Công đoàn Đáp án: A
74	Câu 74: Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình tham gia thanh tra, kiểm tra, Công đoàn có thể thực hiện quyền nào sau đây? A. Không có quyền can thiệp, chỉ báo cáo lên cơ quan nhà nước B. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý vi phạm pháp luật C. Trực tiếp ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính D. Chỉ ghi nhận sự việc mà không có quyền đề xuất

	Đáp án: B
75	Câu 75: Công đoàn tham gia kiểm tra, thanh tra nhằm mục đích gì? A. Để kiểm soát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp B. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động C. Để tăng cường quyền lực của tổ chức Công đoàn D. Để giảm bớt sự giám sát của cơ quan nhà nước Đáp án: B
76	Câu 76: Giám sát của Công đoàn bao gồm những hoạt động nào? A. Hoạt động tham gia giám sát với cơ quan nhà nước có thẩm quyền B. Hoạt động chủ trì giám sát mang tính xã hội C. Cả A và B đều đúng D. Thực hiện khi có yêu cầu của người sử dụng lao động Đáp án: C
77	Câu 77: Công đoàn giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền lợi người lao động, tổ chức Công đoàn trong các lĩnh vực nào sau đây? A. Chính sách, pháp luật về công đoàn, lao động, việc làm B. Tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, an toàn, vệ sinh lao động C. Thỏa ước lao động tập thể, thực hiện dân chủ ở cơ sở D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D.
78	Câu 78: Hoạt động chủ trì giám sát của Công đoàn phải đảm bảo nguyên tắc nào sau đây? A. Khách quan, công khai, minh bạch B. Xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của đoàn viên công đoàn, người lao động C. Không trùng lặp với hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát khác D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
79	Câu 79: Công đoàn có được thực hiện giám sát trùng lặp với hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát khác không? A. Có, nếu được cơ quan nhà nước yêu cầu B. Không được trùng lặp C. Chỉ trong trường hợp cần thiết D. Chỉ đối với doanh nghiệp nhà nước Đáp án: B
80	Câu 80: Công đoàn thực hiện giám sát bằng những hình thức nào? A. Nghiên cứu, xem xét văn bản, báo cáo của người sử dụng lao động, cơ quan, tổ chức được giám sát B. Thông qua đối thoại với người sử dụng lao động, hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

	C. Tổ chức đoàn giám sát D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
81	Câu 81: Công đoàn có quyền gì khi chủ trì giám sát? A. Yêu cầu người sử dụng lao động, cơ quan, tổ chức được giám sát cung cấp thông tin, tài liệu liên quan B. Kiến nghị áp dụng các biện pháp bảo vệ quyền lợi người lao động C. Thông báo kết quả giám sát đến người sử dụng lao động, cơ quan, tổ chức được giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
82	Câu 82: Khi chủ trì giám sát, Công đoàn có trách nhiệm gì? A. Xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát cụ thể B. Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát C. Chịu trách nhiệm về nội dung kiến nghị sau giám sát D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
83	Câu 83: Công đoàn có quyền yêu cầu, kiến nghị gì đối với người sử dụng lao động trong quá trình giám sát? A. Báo cáo bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát B. Xem xét áp dụng các biện pháp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động C. Trao đổi, làm rõ những vấn đề cần thiết qua giám sát D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
84	Câu 84: Người sử dụng lao động có trách nhiệm gì khi được Công đoàn giám sát? A. Báo cáo bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát B. Bố trí thời gian, địa điểm, thành phần làm việc theo yêu cầu của đoàn giám sát C. Thực hiện kiến nghị sau giám sát D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
85	Câu 85: Người sử dụng lao động có quyền gì khi Công đoàn thực hiện giám sát? A. Được trao đổi, làm rõ các nội dung giám sát thuộc phạm vi trách nhiệm của mình B. Được kiến nghị xem xét lại kết quả giám sát khi cần thiết C. Có quyền không thực hiện kiến nghị của Công đoàn D. Cả A và B đều đúng

	Đáp án: D
86	Câu 86: Công đoàn phải thực hiện điều gì sau khi kết thúc giám sát? A. Thông báo kết quả giám sát đến người sử dụng lao động, cơ quan, tổ chức được giám sát B. Ra quyết định xử phạt đối với doanh nghiệp vi phạm C. Đình chỉ hoạt động của doanh nghiệp nếu phát hiện sai phạm D. Không cần báo cáo kết quả giám sát Đáp án: A
87	Câu 87: Khi có kiến nghị về kết quả giám sát, Công đoàn phải làm gì? A. Xem xét, giải quyết kiến nghị đó B. Từ chối mọi kiến nghị vì giám sát đã kết thúc C. Chỉ chấp nhận kiến nghị từ cơ quan nhà nước D. Không có trách nhiệm phản hồi về kiến nghị sau giám sát Đáp án: A
88	Câu 88: Công đoàn có quyền phản biện xã hội đối với nội dung nào sau đây? A. Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật B. Quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án của cơ quan nhà nước liên quan đến người lao động C. Chính sách tài chính của doanh nghiệp tư nhân D. Cả A và B đều đúng Đáp án: D
89	Câu 89: Ý kiến phản biện xã hội của Công đoàn được xử lý như thế nào? A. Được nghiên cứu, tiếp thu, giải trình theo quy định của pháp luật B. Chỉ mang tính tham khảo, không bắt buộc phải xem xét C. Do Công đoàn quyết định thực hiện hay không D. Chỉ có giá trị tại doanh nghiệp nhà nước Đáp án: A
90	Câu 90: Công đoàn thực hiện phản biện xã hội theo quy định nào? A. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam B. Luật Công đoàn C. Các quy định khác của pháp luật có liên quan D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
91	Câu 91: Công đoàn có trách nhiệm tuyên truyền đến đoàn viên công đoàn nội dung nào sau đây? A. Đường lối, chủ trương của Đảng B. Chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công đoàn, người lao động C. Điều lệ Công đoàn Việt Nam và các quy định khác của Công đoàn D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
92	Câu 92: Công đoàn tuyên truyền, vận động, giáo dục người lao động làm gì?

	A. Học tập, nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp B. Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp C. Thực hiện bình đẳng giới, phòng chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc, không kỳ thị, phân biệt đối xử D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
93	Câu 93: Công đoàn có trách nhiệm tuyên truyền cho người lao động nội dung nào sau đây ? A. Chỉ tuyên truyền về nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, tác phong làm việc B. Thực hiện bình đẳng giới, phòng chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc, không kỳ thị, phân biệt đối xử C. Khuyến khích người lao động tự giải quyết các tranh chấp mà không cần Công đoàn hỗ trợ D. Chỉ tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Đáp án: B
94	Câu 94: Công đoàn có quyền và trách nhiệm gì trong công tác phát triển tổ chức? A. Phát triển đoàn viên công đoàn B. Thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở C. Cả A và B đều đúng D. Chỉ theo dõi số lượng đoàn viên mà không có trách nhiệm phát triển thêm Đáp án: C
95	Câu 95: Công đoàn cấp nào có quyền cử cán bộ đến doanh nghiệp để vận động người lao động gia nhập, thành lập Công đoàn? A. Công đoàn cơ sở B. Công đoàn cấp trên cơ sở C. Nghiệp đoàn cơ sở D. Chỉ có Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam mới có quyền này Đáp án: B
96	Câu 96: Công đoàn cấp trên cơ sở có trách nhiệm gì trong việc phát triển nghiệp đoàn cơ sở? A. Chỉ theo dõi mà không can thiệp B. Tuyên truyền, vận động, gặp gỡ, hướng dẫn người làm việc không có quan hệ lao động gia nhập, thành lập nghiệp đoàn cơ sở C. Chỉ vận động thành lập nghiệp đoàn cơ sở ở những doanh nghiệp lớn D. Không có trách nhiệm nào đối với nghiệp đoàn cơ sở Đáp án: B
97	Câu 97: Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở có trách nhiệm gì trong công tác phát triển đoàn viên?

	A. Không có trách nhiệm phát triển đoàn viên B. Tuyên truyền, vận động, gặp gỡ người lao động để gia nhập Công đoàn C. Chỉ quản lý đoàn viên đã gia nhập, không cần vận động phát triển thêm D. Chỉ vận động phát triển đoàn viên trong doanh nghiệp nhà nước Đáp án: B
98	Câu 98: Khi người lao động tự thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, Công đoàn có trách nhiệm gì? A. Không có trách nhiệm hỗ trợ B. Hướng dẫn, hỗ trợ người lao động lập ban vận động để thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở C. Chỉ hỗ trợ nếu có yêu cầu từ chính quyền địa phương D. Chỉ hỗ trợ khi được sự đồng ý của người sử dụng lao động Đáp án: B
99	Câu 99: Việc thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở phải tuân theo quy định nào? A. Điều lệ Công đoàn Việt Nam và quy định của pháp luật có liên quan B. Quy định của người sử dụng lao động C. Quy định của pháp luật D. Chỉ cần được công đoàn cấp trên cơ sở công nhận Đáp án: A
100	Câu 100: Công đoàn có thể cử cán bộ đến đâu để tuyên truyền, vận động thành lập công đoàn cơ sở? A. Tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp B. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã C. Cả A và B đều đúng D. Chỉ có thể tuyên truyền trong khu vực nhà nước Đáp án: C
101	Câu 101: Khi người lao động muốn tự thành lập công đoàn cơ sở, họ cần thực hiện hoạt động nào trước tiên A. Đề nghị người sử dụng lao động chấp thuận B. Lập ban vận động thành lập công đoàn cơ sở C. Gửi đơn xin phép lên chính quyền địa phương D. Đề nghị công đoàn cấp trên công nhận Đáp án: B
102	Câu 102: Công đoàn cấp trên có trách nhiệm gì khi tại doanh nghiệp chưa có công đoàn cơ sở? A. Không có trách nhiệm B. Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người lao động thành lập công đoàn cơ sở C. Chỉ hỗ trợ nếu người lao động yêu cầu D. Chờ người lao động tự thành lập công đoàn cơ sở Đáp án: B

103	Câu 103: Công đoàn có thể vận động những đối tượng nào tham gia nghiệp đoàn cơ sở? A. Người làm việc không có quan hệ lao động B. Người lao động có hợp đồng lao động C. Công nhân làm việc tại doanh nghiệp nhà nước D. Công chức, viên chức Đáp án: A
104	Câu 104: Ở nơi chưa có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, Công đoàn có quyền và trách nhiệm gì? A. Chỉ theo dõi tình hình lao động B. Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động khi được người lao động ở đó yêu cầu hoặc khi phát hiện vi phạm C. Chỉ đại diện, bảo vệ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền D. Không có quyền đại diện, bảo vệ người lao động Đáp án: B
105	Câu 105: Ở nơi chưa có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, Công đoàn có thể đại diện, bảo vệ người lao động trong trường hợp nào? A. Khi người lao động ở đó yêu cầu, trừ trường hợp thương lượng tập thể và đối thoại tại nơi làm việc B. Khi phát hiện người sử dụng lao động có dấu hiệu xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động C. Cả A và B đều đúng D. Chỉ khi có sự đồng ý của chính quyền địa phương Đáp án: C
106	Câu 106: Đoàn viên công đoàn có quyền gì khi quyền lợi bị xâm phạm? A. Tự giải quyết mà không cần Công đoàn hỗ trợ B. Yêu cầu Công đoàn đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng C. Chỉ có thể khiếu kiện đến tòa án D. Chỉ có thể khiếu nại đến người sử dụng lao động Đáp án: B
107	Câu 107: Công đoàn có trách nhiệm hỗ trợ pháp lý miễn phí cho đoàn viên trong những lĩnh vực nào sau đây? A. Công đoàn, lao động, việc làm B. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, an toàn, vệ sinh lao động C. Cán bộ, công chức, viên chức D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
108	Câu 108: Khi phát hiện cán bộ công đoàn có sai phạm, đoàn viên công đoàn có quyền gì? A. Chỉ có thể phản ánh với người sử dụng lao động B. Kiến nghị xử lý kỷ luật cán bộ công đoàn có sai phạm

	C. Không có quyền can thiệp vào công việc của Công đoàn D. Chỉ có thể phản ánh lên cấp trên Đáp án: B
109	Câu 109: Đoàn viên công đoàn có quyền gì trong các hoạt động của Công đoàn? A. Được thông tin, thảo luận, đề xuất và biểu quyết công việc của Công đoàn B. Chỉ được tham gia thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết C. Chỉ Ban chấp hành Công đoàn mới có quyền quyết định D. Không được tham gia vào công việc của Công đoàn Đáp án: A
110	Câu 110: Công đoàn có trách nhiệm gì trong việc tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ đoàn viên phát triển kỹ năng nghề nghiệp? A. Chỉ tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ nếu đoàn viên có yêu cầu B. Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ tìm việc làm, học nghề, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp C. Chỉ hỗ trợ nếu người sử dụng lao động yêu cầu D. Không có trách nhiệm gì trong việc hỗ trợ đoàn viên phát triển kỹ năng nghề nghiệp Đáp án: B
111	Câu 111: Khi có thành tích trong lao động, sản xuất và hoạt động công đoàn, đoàn viên có quyền gì? A. Được tuyên dương, khen thưởng B. Không có bất kỳ hình thức khen thưởng nào C. Chỉ được công đoàn ghi nhận D. Phải có thâm niên công tác mới được khen thưởng Đáp án: A
112	Câu 112: Công đoàn có chính sách gì về nhà ở cho đoàn viên? A. Công đoàn không có chính sách gì về nhà ở B. Chính sách của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về nhà ở xã hội cho đoàn viên công đoàn, người lao động thuê C. Công đoàn chỉ hỗ trợ một phần tiền thuê nhà D. Chỉ có đoàn viên làm việc trong khu công nghiệp mới được thuê nhà ở xã hội Đáp án: B
113	Câu 113: Đoàn viên công đoàn có thể thụ hưởng những quyền nào sau đây? A. Được Công đoàn hỗ trợ pháp lý miễn phí trong một số lĩnh vực B. Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, tham quan, du lịch do Công đoàn tổ chức C. Được thụ hưởng các hoạt động chăm lo, phúc lợi do Công đoàn thực hiện D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
114	Câu 114: Công đoàn có thể giúp đoàn viên công đoàn khi xảy ra tranh chấp

	lao động không? A. Có, Công đoàn có trách nhiệm đại diện, bảo vệ quyền lợi của đoàn viên, người lao động B. Không, đoàn viên phải tự giải quyết C. Công đoàn chỉ hỗ trợ khi có chỉ đạo từ cấp trên D. Công đoàn chỉ hỗ trợ khi xảy ra tranh chấp về tiền lương Đáp án: A
115	Câu 115: Mức đóng đoàn phí công đoàn được quy định ở đâu? A. Điều lệ Công đoàn Việt Nam B. Đoàn viên tự quyết định mức đóng C. Quy chế do người sử dụng lao động ban hành D. Không quy định ở đâu Đáp án: A
116	Câu 116: Đoàn viên công đoàn có trách nhiệm gì đối với Điều lệ Công đoàn Việt Nam? A. Chỉ cần biết mà không bắt buộc thực hiện B. Chấp hành và thực hiện Điều lệ Công đoàn Việt Nam C. Chỉ chấp hành và thực hiện khi có yêu cầu từ cấp trên D. Không liên quan đến đoàn viên công đoàn Đáp án: B
117	Câu 117: Đoàn viên công đoàn cần làm gì để góp phần xây dựng Công đoàn vững mạnh? A. Chỉ cần đóng đoàn phí đầy đủ B. Tham gia hoạt động công đoàn C. Chấp hành và thực hiện Điều lệ Công đoàn Việt Nam, nghị quyết và quy định của Công đoàn D. Cả B, C đều đúng Đáp án: D
118	Câu 118: Đoàn viên công đoàn có trách nhiệm gì trong học tập, rèn luyện? A. Học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp B. Rèn luyện phẩm chất giai cấp công nhân C. Sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
119	Câu 119: Đoàn viên công đoàn cần rèn luyện những phẩm chất nào? A. Tác phong làm việc chuyên nghiệp B. Phẩm chất giai cấp công nhân C. Sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
120	Câu 120: Đoàn viên công đoàn có trách nhiệm gì sau đây?

	A. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong lao động và cuộc sống B. Nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động C. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động và tổ chức Công đoàn D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
121	Câu 121: Đoàn viên công đoàn có trách nhiệm gì trong quan hệ lao động? A. Tham gia xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định B. Tham gia xây dựng quan hệ lao động tiến bộ C. Tham gia xây dựng quan hệ lao động hài hòa D. Tham gia xây dựng quan hệ lao động ổn định Đáp án: A
122	Câu 122: Nhà nước có trách nhiệm gì đối với Công đoàn? A. Bảo đảm, hỗ trợ, phối hợp, tạo điều kiện cho Công đoàn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo quy định của pháp luật B. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về công đoàn, lao động C. Cùng với Công đoàn chăm lo và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
123	Câu 123: Nhà nước có trách nhiệm gì khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về công đoàn? A. Không can thiệp mà để Công đoàn tự xử lý B. Xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật C. Chỉ cảnh báo mà không áp dụng hình thức xử phạt D. Chỉ xử lý trong doanh nghiệp nhà nước Đáp án: B
124	Câu 124: Khi xây dựng chính sách, pháp luật liên quan đến công đoàn và người lao động, Nhà nước có trách nhiệm gì? A. Lấy ý kiến của Công đoàn B. Không cần lấy ý kiến của Công đoàn C. Chỉ lấy ý kiến trong một số trường hợp đặc biệt D. Chỉ tham khảo ý kiến của doanh nghiệp Đáp án: A
125	Câu 125: Nhà nước có chính sách gì trong tuyển dụng cán bộ công đoàn chuyên trách? A. Ưu tiên tuyển dụng cán bộ công đoàn chuyên trách trưởng thành từ cơ sở B. Ưu tiên tuyển dụng cán bộ công đoàn chuyên trách trưởng thành từ doanh nghiệp C. Ưu tiên tuyển dụng cán bộ công đoàn chuyên trách trưởng thành từ địa phương

	D. Không có chính sách ưu tiên Đáp án: A
126	Câu 126: Nhà nước có trách nhiệm gì đối với các kiến nghị của Công đoàn? A. Xem xét, xử lý kịp thời các kiến nghị liên quan đến việc chăm lo, bảo vệ quyền lợi của người lao động và hoạt động công đoàn B. Chỉ xem xét, xử lý khi kiến nghị liên quan đến người lao động C. Chỉ xem xét, xử lý khi kiến nghị liên quan đến hoạt động công đoàn D. Chỉ xem xét, xử lý khi kiến nghị liên quan đến doanh nghiệp Đáp án: A
127	Câu 127: Quan hệ giữa Công đoàn với Nhà nước và người sử dụng lao động được xác định là quan hệ như thế nào? A. Quan hệ đối đầu B. Quan hệ hợp tác, phối hợp C. Quan hệ phụ thuộc D. Chưa được xác định rõ ràng Đáp án: B
128	Câu 128: Người sử dụng lao động có trách nhiệm gì đối với việc thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn? A. Thừa nhận, tôn trọng, tạo điều kiện và không cản trở, gây khó khăn khi người lao động tiến hành các hoạt động hợp pháp để thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn B. Có quyền can thiệp vào việc thành lập công đoàn cơ sở C. Chỉ hỗ trợ nếu có yêu cầu từ cơ quan nhà nước D. Không cần quan tâm đến hoạt động công đoàn Đáp án: A
129	Câu 129: Người sử dụng lao động có trách nhiệm phối hợp với Công đoàn trong những hoạt động nào sau đây? A. Phối hợp thực hiện chức năng, quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên theo quy định của pháp luật B. Phối hợp tổ chức đối thoại, thương lượng tập thể, ký kết, thực hiện thỏa ước lao động tập thể và quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở C. Phối hợp giải quyết tranh chấp lao động và những vấn đề liên quan đến việc thực hiện pháp luật về lao động theo quy định của pháp luật. D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
130	Câu 130: Người sử dụng lao động có trách nhiệm gì trong việc trao đổi, cung cấp thông tin với Công đoàn? A. Trao đổi, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin liên quan đến tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp khi Công đoàn đề nghị, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác B. Chỉ cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ cơ quan nhà nước C. Chỉ cung cấp thông tin về tài chính của doanh nghiệp

	D. Không có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Công đoàn Đáp án: A
131	Câu 131: Khi nào người sử dụng lao động phải lấy ý kiến của Công đoàn? A. Trước khi quyết định những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật B. Chỉ khi có đề nghị của Công đoàn bằng văn bản C. Chỉ khi có đề nghị của người lao động D. Chỉ khi có tranh chấp lao động xảy ra Đáp án: A
132	Câu 132: Người sử dụng lao động có trách nhiệm gì trong việc đảm bảo hoạt động của Công đoàn? A. Bảo đảm điều kiện hoạt động công đoàn, cán bộ công đoàn theo quy định của pháp luật B. Chỉ hỗ trợ tài chính mà không cần tạo điều kiện khác C. Không có trách nhiệm hỗ trợ Công đoàn D. Chỉ tạo điều kiện cho Công đoàn khi có yêu cầu từ cơ quan nhà nước Đáp án: A
133	Câu 133: Người sử dụng lao động có nghĩa vụ gì về tài chính đối với Công đoàn? A. Đóng kinh phí công đoàn theo quy định của Luật Công đoàn B. Không cần đóng kinh phí công đoàn C. Chỉ đóng nếu doanh nghiệp có trên 100 lao động D. Chỉ đóng khi có yêu cầu từ Công đoàn Đáp án: A
134	Câu 134: Công đoàn các cấp được bảo đảm những điều kiện gì để thực hiện chức năng, quyền, trách nhiệm của mình? A. Chỉ được bảo đảm về tài chính B. Được bảo đảm về tổ chức bộ máy và số lượng cán bộ, công chức, viên chức C. Chỉ có Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam mới được bảo đảm về tổ chức bộ máy D. Không có quy định cụ thể về bảo đảm tổ chức bộ máy của Công đoàn Đáp án: B
135	Câu 135: Ai có trách nhiệm bố trí nơi làm việc, phương tiện làm việc và điều kiện cần thiết cho công đoàn cơ sở hoạt động? A. Chính phủ B. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nơi có tổ chức công đoàn cơ sở C. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam D. Công đoàn tự bố trí Đáp án: B
136	Câu 136: Cán bộ công đoàn không chuyên trách được bố trí bao nhiêu giờ làm việc trong một tháng để làm công tác công đoàn và vẫn được trả lương? A. 24 giờ/tháng đối với chủ tịch, phó chủ tịch công đoàn cơ sở

	B. 12 giờ/tháng đối với ủy viên ban chấp hành, tổ trưởng, tổ phó tổ công đoàn C. Cả A và B đều đúng D. Không có quy định về thời gian làm việc cho cán bộ công đoàn không chuyên trách Đáp án: C
137	Câu 137: Cán bộ công đoàn không chuyên trách có được nghỉ làm việc và hưởng lương khi tham dự các hoạt động công đoàn do cấp trên triệu tập không? A. Có, nhưng không được hưởng lương B. Có, và vẫn được hưởng tiền lương do người sử dụng lao động chi trả C. Không, họ phải tự bố trí thời gian cá nhân để tham gia D. Chỉ được hưởng lương nếu doanh nghiệp đồng ý Đáp án: B
138	Câu 138: Việc thỏa thuận với người sử dụng lao động về thời gian tăng thêm trong tháng để làm công tác công đoàn cho cán bộ công đoàn không chuyên trách dựa trên yếu tố nào? A. Quy mô, loại hình, tính chất của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp B. Chỉ theo quyết định của người sử dụng lao động C. Do Công đoàn cấp trên quyết định mà không cần thỏa thuận D. Không có quy định về việc thỏa thuận tăng thêm thời gian Đáp án: A
139	Câu 139: Khi hợp đồng lao động hết hạn mà người lao động là cán bộ công đoàn không chuyên trách đang trong nhiệm kỳ công đoàn thì họ được bảo đảm quyền lợi gì? A. Bị chấm dứt hợp đồng ngay khi hết hạn B. Được gia hạn hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc cho đến hết nhiệm kỳ công đoàn C. Chỉ được tiếp tục làm việc nếu người sử dụng lao động đồng ý D. Phải ký hợp đồng mới với doanh nghiệp Đáp án: B
140	Câu 140: Nếu cán bộ công đoàn không chuyên trách bị sa thải trái pháp luật, Công đoàn có trách nhiệm gì? A. Không có trách nhiệm can thiệp B. Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền can thiệp hoặc đại diện theo pháp luật khởi kiện vụ việc lao động tại Tòa án C. Chỉ hỗ trợ về mặt tinh thần D. Chỉ hỗ trợ nếu cán bộ công đoàn có đơn yêu cầu Đáp án: B
141	Câu 141: Nếu cán bộ công đoàn không chuyên trách không thể trở lại làm việc sau khi bị sa thải trái pháp luật, họ được Công đoàn hỗ trợ gì? A. Hỗ trợ tìm việc làm mới B. Được nhận hỗ trợ bằng tiền từ nguồn tài chính công đoàn trong thời gian

	gián đoạn việc làm C. Cả A và B đều đúng D. Không được hỗ trợ gì Đáp án: C
142	Câu 142: Tài chính công đoàn bao gồm những nguồn nào sau đây? A. Đoàn phí công đoàn B. Kinh phí công đoàn C. Ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ và các nguồn thu hợp pháp khác D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
143	Câu 143: Mức đóng kinh phí công đoàn được quy định như thế nào? A. Bằng 2% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động B. Bằng 1% tổng thu nhập của người lao động C. Bằng 5% lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp D. Do từng doanh nghiệp tự quyết định Đáp án: A
144	Câu 144: Trường hợp nào sau đây được xem xét miễn đóng kinh phí công đoàn? A. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật B. Doanh nghiệp có lợi nhuận thấp nhưng vẫn hoạt động bình thường C. Doanh nghiệp có doanh thu giảm nhẹ trong một quý D. Doanh nghiệp tự xin miễn mà không có lý do cụ thể Đáp án: A
145	Câu 145: Khi nào doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được xem xét giảm mức đóng kinh phí công đoàn? A. Khi gặp khó khăn vì lý do kinh tế hoặc bất khả kháng B. Khi doanh nghiệp muốn giảm chi phí hoạt động C. Khi người lao động đề xuất giảm mức đóng D. Khi doanh nghiệp có số lao động ít hơn 50 người Đáp án: A
146	Câu 146: Sau khi hết thời gian tạm dừng đóng kinh phí công đoàn, doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ gì? A. Tiếp tục đóng kinh phí công đoàn và đóng bù số tiền phải đóng trong thời gian tạm dừng B. Chỉ đóng lại kinh phí công đoàn từ thời điểm hoạt động trở lại mà không cần đóng bù C. Được miễn toàn bộ số tiền của thời gian tạm dừng D. Chỉ đóng nếu Công đoàn có yêu cầu bằng văn bản Đáp án: A
147	Câu 147: Tài chính công đoàn phải được quản lý theo nguyên tắc nào?

	A. Tập trung, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả B. Chỉ do Ban Chấp hành Công đoàn quyết định C. Không cần công khai với đoàn viên công đoàn D. Chỉ cần báo cáo khi có yêu cầu từ cơ quan nhà nước Đáp án: A
148	Câu 148: Tài chính công đoàn được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ nào sau đây? A. Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên công đoàn và người lao động B. Thăm hỏi, trợ cấp cho đoàn viên, người lao động khi ốm đau, thai sản, khó khăn, hoạn nạn C. Cả A và B đều đúng D. Chỉ dùng để trả lương cho cán bộ công đoàn Đáp án: C
149	Câu 149: Công đoàn được sử dụng tài chính công đoàn để thực hiện hoạt động nào trong lĩnh vực văn hóa, thể thao? A. Tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, tham quan, du lịch cho đoàn viên công đoàn và người lao động B. Chỉ tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao cho cán bộ công đoàn chuyên trách C. Chỉ tổ chức tham quan, du lịch cho cán bộ công đoàn chuyên trách D. Không được sử dụng tài chính công đoàn vào hoạt động văn hóa, thể thao Đáp án: A
150	Câu 150: Tài chính công đoàn được sử dụng để đầu tư vào lĩnh vực nào sau đây? A. Xây dựng nhà ở xã hội cho đoàn viên công đoàn, người lao động thuê B. Xây dựng công trình văn hóa, thể thao phục vụ đoàn viên công đoàn C. Cả A và B đều đúng D. Không được sử dụng tài chính công đoàn vào các hoạt động đầu tư Đáp án: C
151	Câu 151: Tài chính công đoàn được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ nào sau đây? A. Tổ chức phong trào thi đua do Công đoàn chủ trì hoặc phối hợp phát động B. Tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, tham quan, du lịch cho đoàn viên công đoàn và người lao động C. Khen thưởng, động viên người lao động, con của người lao động có thành tích trong học tập, công tác D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
152	Câu 152: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có trách nhiệm báo cáo tình hình thu, chi và quản lý, sử dụng tài chính công đoàn trước Quốc hội với tần suất như thế nào? A. Hàng năm

	B. Hai năm một lần C. Năm năm một lần D. Chỉ khi có yêu cầu từ Quốc hội Đáp án: B
153	Câu 153: Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán tài chính công đoàn trong trường hợp nào? A. Định kỳ hai năm một lần B. Kiểm toán đột xuất theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội C. Chỉ kiểm toán khi có yêu cầu từ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam D. Cả A và B đều đúng Đáp án: D
154	Câu 154: Công đoàn các cấp phải thực hiện công khai tài chính hằng năm tại đâu? A. Hội nghị ban chấp hành công đoàn B. Chỉ công khai khi có yêu cầu từ đoàn viên công đoàn C. Chỉ báo cáo lên công đoàn cấp trên mà không cần công khai D. Không có quy định về công khai tài chính công đoàn Đáp án: A

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2025

BỘ CÂU HỎI THI TRỰC TUYẾN “CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC, LAO ĐỘNG TÌM HIỂU VỀ LUẬT CÔNG ĐOÀN VÀ LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI”

II. LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI (205 CÂU)

STT	NỘI DUNG
1.	Câu 1: Ai thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc? A. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động từ đủ 01 tháng trở lên B. Cán bộ, công chức, viên chức C. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công an nhân dân D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
2.	Câu 2: Ai có thể tham gia BHXH tự nguyện? A. Công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên, không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc B. Người đang hưởng lương hưu C. Người đang hưởng trợ cấp BHXH hằng tháng D. Người lao động có hợp đồng lao động dưới 1 tháng Đáp án: A
3.	Câu 3: Người lao động đang tạm hoãn hợp đồng lao động có thể tham gia BHXH tự nguyện không? A. Có, trừ khi hai bên có thỏa thuận tiếp tục đóng BHXH bắt buộc trong thời gian tạm hoãn B. Không, vì đang có hợp đồng lao động C. Chỉ khi hợp đồng lao động bị chấm dứt D. Chỉ khi được doanh nghiệp chấp thuận Đáp án: A
4.	Câu 4: Người sử dụng lao động nào phải tham gia BHXH bắt buộc? A. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập B. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã C. Cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
5.	Câu 5: Nếu người lao động có nhiều hợp đồng lao động thì tham gia BHXH như thế nào? A. Theo hợp đồng lao động đầu tiên B. Theo hợp đồng lao động có mức lương cao nhất C. Theo tất cả các hợp đồng lao động D. Không phải tham gia BHXH

	Đáp án: A
6.	Câu 6: Người nào sau đây không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc? A. Người đang hưởng lương hưu B. Người lao động có hợp đồng lao động từ đủ 1 tháng trở lên C. Công chức, viên chức nhà nước D. Công nhân làm việc trong các tổ chức cơ yếu Đáp án: A
7.	Câu 7: BHXH là gì? A. Một khoản trợ cấp do doanh nghiệp chi trả cho người lao động khi nghỉ hưu B. Sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập khi người tham gia bị giảm hoặc mất thu nhập do các rủi ro theo quy định C. Một loại hình bảo hiểm thương mại do các công ty bảo hiểm cung cấp D. Một khoản tiền do người lao động tự tiết kiệm để sử dụng khi cần thiết Đáp án: B
8.	Câu 8: Trợ cấp hưu trí xã hội được bảo đảm từ nguồn nào? A. Người sử dụng lao động B. Ngân sách nhà nước C. Quỹ BHXH D. Người lao động tự đóng góp Đáp án: B
9.	Câu 9: BHXH bắt buộc có đặc điểm gì? A. Người lao động và người sử dụng lao động phải tham gia theo quy định của Nhà nước B. Người lao động tự nguyện tham gia C. Chỉ áp dụng cho người lao động trong khu vực nhà nước D. Do các công ty bảo hiểm tư nhân quản lý Đáp án: A
10.	Câu 10: Đối tượng nào có thể tham gia BHXH tự nguyện? A. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động B. Công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên, không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc C. Chỉ những người đã từng tham gia BHXH bắt buộc D. Chỉ cán bộ, công chức, viên chức Đáp án: B
11.	Câu 11: Bảo hiểm hưu trí bổ sung có tính chất gì? A. Là loại hình BHXH bắt buộc B. Mang tính chất tự nguyện và bổ sung cho chế độ hưu trí trong BHXH bắt buộc C. Do Nhà nước chi trả toàn bộ D. Chỉ dành cho công chức, viên chức nhà nước Đáp án: B
12.	Câu 12: "Thời gian đóng BHXH" được hiểu là gì? A. Thời gian làm việc của người lao động tại một doanh nghiệp

	B. Tổng thời gian đã đóng BHXH bắt buộc hoặc BHXH tự nguyện C. Thời gian người lao động nhận trợ cấp BHXH D. Thời gian người lao động làm việc trước khi tham gia BHXH Đáp án: B
13.	Câu 13: "Thân nhân" của người tham gia BHXH bao gồm những ai? A. Chỉ bao gồm vợ/chồng và con cái B. Bao gồm cha mẹ, vợ/chồng, con cái và những người có nghĩa vụ nuôi dưỡng theo pháp luật C. Chỉ bao gồm cha mẹ và con cái D. Bao gồm tất cả người thân trong gia đình Đáp án: B
14.	Câu 14: Đăng ký tham gia BHXH bao gồm những nội dung gì? A. Chỉ đăng ký thông tin người lao động B. Nộp hồ sơ kê khai thông tin về người lao động, tiền lương, thu nhập làm căn cứ đóng BHXH C. Chỉ cần thông báo với người sử dụng lao động D. Chỉ thực hiện khi người lao động muốn rút BHXH Đáp án: B
15.	Câu 15: Giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH có thể thực hiện với nội dung nào sau đây? A. Đăng ký tham gia, cấp sổ BHXH B. Đóng BHXH C. Giải quyết, chi trả chế độ BHXH D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
16.	Câu 16: Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm bao gồm thông tin về lĩnh vực nào? A. BHXH, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế B. Thuế thu nhập cá nhân của người lao động C. Chỉ thông tin về bảo hiểm y tế D. Chỉ thông tin về BHXH bắt buộc Đáp án: A
17.	Câu 17: BHXH bắt buộc gồm những chế độ nào sau đây? A. Ốm đau, thai sản, hưu trí, tử tuất B. Chỉ có chế độ hưu trí C. Chỉ có chế độ tử tuất và thai sản D. Chỉ có chế độ bảo hiểm y tế Đáp án: A
18.	Câu 18: Người tham gia BHXH tự nguyện có thể được hưởng các chế độ nào? A. Trợ cấp thai sản B. Hưu trí C. Tử tuất D. Tất cả các đáp án trên

	Đáp án: D
19.	Câu 19: Mục đích của bảo hiểm hưu trí bổ sung là gì? A. Bổ sung cho chế độ hưu trí trong BHXH bắt buộc B. Thay thế hoàn toàn chế độ hưu trí của BHXH C. Hỗ trợ tài chính cho người lao động khi nghỉ việc D. Đóng góp vào ngân sách nhà nước Đáp án: A
20.	Câu 20: Mức đóng BHXH tự nguyện được tính dựa trên cơ sở nào? A. Mức thu nhập làm căn cứ đóng BHXH tự nguyện do người tham gia lựa chọn B. Mức thu nhập tối thiểu vùng C. Mức lương bình quân của ngành nghề D. Lương tối thiểu do Nhà nước quy định Đáp án: A
21.	Câu 21: Người vừa có thời gian tham gia BHXH bắt buộc, vừa có thời gian tham gia BHXH tự nguyện được hưởng các chế độ nào? A. Trợ cấp hằng tháng B. Chế độ hưu trí C. Chế độ tử tuất D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
22.	Câu 22: Nếu một người đã nhận BHXH một lần thì thời gian đóng bảo hiểm đó có được tính vào chế độ BHXH sau này không? A. Có, nếu người lao động yêu cầu B. Không, thời gian đã được tính hưởng BHXH một lần thì không được tính tiếp C. Có, nhưng chỉ khi người lao động đóng thêm ít nhất 5 năm bảo hiểm mới D. Có, nếu người lao động chưa nhận đủ 50% số tiền đã đóng Đáp án: B
23.	Câu 23: Quỹ BHXH được quản lý theo nguyên tắc nào? A. Tập trung, thống nhất, công khai, minh bạch B. Tùy thuộc vào từng địa phương quản lý C. Do từng doanh nghiệp tự quyết định D. Phân bổ ngẫu nhiên theo tình hình tài chính Đáp án: A
24.	Câu 24: Nếu thời gian đóng BHXH có tháng lẻ từ 1 đến 6 tháng thì được tính như thế nào? A. Được tính là nửa năm B. Được làm tròn lên thành 1 năm C. Không được tính vào thời gian hưởng chế độ BHXH D. Chỉ được tính khi tổng số tháng lẻ đạt trên 7 tháng Đáp án: A
25.	Câu 25: Nếu thời gian đóng BHXH có tháng lẻ từ 7 đến 11 tháng thì được tính như thế nào? A. Được tính là một năm B. Chỉ tính một nửa thời gian

	C. Không được tính vào tổng thời gian đóng BHXH D. Được tính theo thỏa thuận với cơ quan BHXH Đáp án: A
26.	Câu 26: Nhà nước có chính sách gì đối với người lao động có thời gian đóng BHXH mà bị mất việc làm? A. Cung cấp bảo hiểm thất nghiệp B. Hỗ trợ về tín dụng C. Trợ cấp một lần D. Không có chính sách nào Đáp án: B
27.	Câu 27: Nguyên tắc quản lý quỹ BHXH được quy định như thế nào? A. Sử dụng theo nhu cầu của Nhà nước B. Bảo hộ, bảo toàn và tăng trưởng quỹ BHXH C. Phân bổ linh hoạt theo từng địa phương D. Dùng để đầu tư vào các doanh nghiệp nhà nước Đáp án: B
28.	Câu 28: Nhà nước khuyến khích địa phương làm gì để hỗ trợ người tham gia BHXH tự nguyện? A. Hỗ trợ thêm tiền đóng BHXH cho người tham gia BHXH tự nguyện B. Cấp tiền trợ cấp hưu trí xã hội cho mọi đối tượng C. Tăng thuế đối với người không tham gia BHXH D. Không có chính sách nào liên quan Đáp án: A
29.	Câu 29: Nhà nước có biện pháp gì để tăng cường quản lý BHXH? A. Hạn chế người tham gia BHXH tự nguyện B. Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử và chuyển đổi số C. Giảm mức hưởng lương hưu để cân đối quỹ BHXH D. Bỏ chế độ trợ cấp hưu trí xã hội Đáp án: B
30.	Câu 30: Mức tham chiếu trong BHXH do cơ quan nào xác định? A. Do doanh nghiệp tự quyết định B. Do người lao động thỏa thuận với cơ quan BHXH C. Do Chính phủ quyết định để tính mức đóng, mức hưởng một số chế độ BHXH D. Do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành Đáp án: C
31.	Câu 31: Mức tham chiếu được điều chỉnh dựa trên yếu tố nào sau đây? A. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) B. Tăng trưởng kinh tế C. Khả năng của ngân sách nhà nước và quỹ BHXH D. Tất cả các đáp án trên Đáp án: D
32.	Câu 32: Hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm theo Luật BHXH 2024?

	A. Chậm đóng, trốn đóng BHXH bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp B. Chi trả BHXH đúng quy định C. Hỗ trợ người lao động tham gia BHXH tự nguyện D. Đăng ký đầy đủ thông tin BHXH Đáp án: A
33.	Câu 33: Người thụ hưởng chế độ BHXH có quyền gì? A. Nhận các chế độ BHXH đầy đủ, kịp thời, thuận tiện B. Chỉ nhận BHXH khi nghỉ hưu C. Chỉ được hưởng bảo hiểm y tế nhưng không được nhận lương hưu D. Chỉ có quyền khiếu nại nhưng không được khởi kiện Đáp án: A
34.	Câu 34: Người đang hưởng lương hưu có được hưởng bảo hiểm y tế không? A. Có B. Không C. Chỉ khi có hợp đồng lao động mới được hưởng D. Chỉ khi tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện Đáp án: A
35.	Câu 35: Người tham gia BHXH có thể tự đi khám giám định y khoa để xác định mức suy giảm khả năng lao động trong trường hợp nào? A. Khi đang bảo lưu thời gian đóng BHXH B. Khi muốn thay đổi mức đóng BHXH C. Khi không muốn tham gia BHXH nữa D. Khi nghỉ việc không có lý do Đáp án: A
36.	Câu 36: Người tham gia BHXH có quyền gì nếu phát hiện quyền lợi của mình bị xâm phạm? A. Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện về BHXH theo quy định của pháp luật B. Chỉ có thể phản ánh với công ty mà không được khởi kiện C. Phải chờ đến khi nghỉ hưu mới được giải quyết D. Không có quyền khiếu nại hoặc tố cáo Đáp án: A
37.	Câu 37: Người tham gia BHXH có trách nhiệm gì theo quy định của Luật BHXH 2024? A. Đóng BHXH theo quy định của luật B. Chỉ đóng bảo hiểm khi nghỉ hưu C. Không cần kê khai thông tin khi đăng ký BHXH D. Chỉ theo dõi quá trình đóng bảo hiểm mà không cần đóng Đáp án: A
38.	Câu 38: Người thụ hưởng chế độ BHXH có trách nhiệm gì theo quy định? A. Chỉ nhận BHXH mà không cần thực hiện bất kỳ thủ tục nào B. Tuân thủ trình tự, thủ tục và các quy định về hưởng chế độ BHXH C. Không cần hoàn trả tiền nếu hưởng sai chế độ D. Không cần xác minh thông tin thụ hưởng BHXH Đáp án: B

39.	Câu 39: Khi người thụ hưởng BHXH nhận tiền không đúng quy định, họ có trách nhiệm gì? A. Không cần hoàn trả số tiền đã nhận B. Chỉ hoàn trả nếu có khiếu nại từ người khác C. Hoàn trả tiền hưởng sai theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền D. Tiếp tục nhận tiền mà không cần giải trình Đáp án: C
40.	Câu 40: Người thụ hưởng chế độ BHXH qua tài khoản ngân hàng có trách nhiệm gì? A. Định kỳ hằng năm phối hợp với cơ quan BHXH hoặc tổ chức dịch vụ được ủy quyền để xác minh thông tin đủ điều kiện thụ hưởng B. Không cần xác minh thông tin nếu đã nhận lương hưu C. Chỉ cần xác minh thông tin khi có yêu cầu từ ngân hàng D. Không có trách nhiệm xác minh thông tin cá nhân Đáp án: A
41.	Câu 41: Người sử dụng lao động có trách nhiệm gì khi đăng ký BHXH bắt buộc cho người lao động? A. Tự do quyết định có đăng ký hay không B. Đăng ký tham gia BHXH bắt buộc cho người lao động theo quy định của Luật C. Chỉ đăng ký khi người lao động yêu cầu D. Đăng ký BHXH bắt buộc cho người lao động sau 6 tháng thử việc Đáp án: B
42.	Câu 42: Người sử dụng lao động có trách nhiệm gì trong việc đóng BHXH bắt buộc? A. Đóng đầy đủ theo quy định và trích từ tiền lương của người lao động để đóng cùng một lúc vào quỹ BHXH B. Chỉ đóng bảo hiểm khi người lao động yêu cầu C. Chỉ đóng bảo hiểm khi có kiểm tra từ cơ quan bảo hiểm D. Có thể tự quyết định tỷ lệ đóng BHXH Đáp án: A
43.	Câu 43: Người sử dụng lao động phải phối hợp với cơ quan BHXH để thực hiện việc gì khi người lao động nghỉ việc? A. Không cần thực hiện thủ tục gì B. Xác nhận thời gian đóng BHXH của người lao động khi họ chấm dứt hợp đồng lao động hoặc thôi việc C. Chỉ xác nhận nếu người lao động làm việc từ 5 năm trở lên D. Chỉ thực hiện xác nhận nếu có tranh chấp lao động Đáp án: B
44.	Câu 44: Người sử dụng lao động có trách nhiệm gì để đảm bảo quyền lợi BHXH của người lao động? A. Lập hồ sơ để người lao động được hưởng chế độ BHXH B. Chỉ cần thông báo cho người lao động tự lập hồ sơ C. Chỉ lập hồ sơ khi người lao động nghỉ hưu D. Không có trách nhiệm lập hồ sơ

	Đáp án: A
45.	Câu 45: Trong trường hợp chi trả BHXH thông qua người sử dụng lao động, họ có trách nhiệm gì? A. Phối hợp với cơ quan BHXH để trả trợ cấp BHXH cho người lao động B. Không có trách nhiệm chi trả BHXH C. Chỉ chi trả khi có đơn yêu cầu của người lao động D. Trả trợ cấp BHXH theo mức tự quyết định Đáp án: A
46.	Câu 46: Người sử dụng lao động có trách nhiệm gì liên quan đến cung cấp thông tin BHXH? A. Xuất trình, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến việc đóng, hưởng BHXH theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền B. Chỉ cung cấp thông tin khi người lao động yêu cầu C. Không cần cung cấp thông tin nếu không có thanh tra D. Chỉ cung cấp thông tin nếu có tranh chấp BHXH Đáp án: A
47.	Câu 47: Nếu không thực hiện đầy đủ trách nhiệm đóng BHXH bắt buộc, người sử dụng lao động có trách nhiệm gì? A. Bồi thường cho người lao động nếu gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ B. Không phải chịu trách nhiệm C. Chỉ chịu trách nhiệm nếu người lao động kiện ra tòa D. Chỉ bồi thường nếu có yêu cầu từ công đoàn Đáp án: A
48.	Câu 48: Người sử dụng lao động có trách nhiệm gì đối với việc trả sổ BHXH cho người lao động? A. Phối hợp với cơ quan BHXH để trả sổ BHXH bản giấy cho người lao động B. Chỉ trả sổ bảo hiểm khi người lao động yêu cầu C. Không cần trả sổ BHXH D. Chỉ cần giữ lại sổ bảo hiểm để lưu hồ sơ Đáp án: A
49.	Câu 49: Người sử dụng lao động có trách nhiệm gì khi người lao động có thắc mắc về BHXH? A. Hướng dẫn, cung cấp đầy đủ thông tin về chế độ BHXH cho người lao động B. Không có trách nhiệm giải đáp C. Chỉ giải đáp nếu có yêu cầu từ cơ quan nhà nước D. Chỉ cần thông báo một lần khi ký hợp đồng lao động Đáp án: A
50.	Câu 50: Khi nào người sử dụng lao động được yêu cầu cơ quan BHXH hướng dẫn thủ tục thực hiện BHXH? A. Bất kỳ lúc nào khi có nhu cầu B. Chỉ khi bị thanh tra kiểm tra C. Chỉ khi người lao động yêu cầu D. Khi có tranh chấp BHXH

	Đáp án: A
51.	Câu 51: Người sử dụng lao động có trách nhiệm gì khi lập hồ sơ BHXH cho người lao động? A. Lập đầy đủ hồ sơ để người lao động được hưởng chế độ BHXH B. Không cần lập hồ sơ BHXH C. Chỉ lập hồ sơ cho người lao động có hợp đồng từ 10 năm trở lên D. Chỉ lập hồ sơ khi có yêu cầu từ cơ quan bảo hiểm Đáp án: A
52.	Câu 52: Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc bảo vệ quyền lợi BHXH của người lao động bao gồm? A. Đăng ký, đóng BHXH, lập hồ sơ hưởng chế độ và phối hợp với cơ quan BHXH B. Chỉ đóng BHXH mà không cần lập hồ sơ C. Chỉ phối hợp với cơ quan BHXH khi có tranh chấp D. Không có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi BHXH của người lao động Đáp án: A
53.	Câu 53: Công đoàn có quyền và trách nhiệm gì trong việc bảo vệ quyền lợi BHXH của người lao động? A. Chỉ hỗ trợ khi có tranh chấp xảy ra B. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động tham gia BHXH C. Không có trách nhiệm liên quan đến BHXH D. Chỉ tuyên truyền mà không tham gia giám sát Đáp án: B
54.	Câu 54: Công đoàn có quyền yêu cầu ai cung cấp thông tin về BHXH của người lao động? A. Người lao động tự cung cấp B. Chỉ yêu cầu cơ quan BHXH C. Yêu cầu người sử dụng lao động và cơ quan BHXH cung cấp thông tin D. Không có quyền yêu cầu cung cấp thông tin Đáp án: C
55.	Câu 55: Một trong những nhiệm vụ của công đoàn liên quan đến BHXH là gì? A. Tuyên truyền, phổ biến, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH cho người lao động B. Không tham gia vào các vấn đề liên quan đến BHXH C. Chỉ hỗ trợ người lao động khi được yêu cầu D. Chỉ giám sát việc đóng BHXH Đáp án: A
56.	Câu 56: Công đoàn có thể thực hiện hoạt động nào dưới đây để đảm bảo quyền lợi của người lao động trong BHXH? A. Giám sát và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật về BHXH B. Chỉ thông báo cho người lao động về vi phạm C. Không có quyền giám sát

	D. Chỉ can thiệp khi có yêu cầu từ người lao động Đáp án: A
57.	Câu 57: Công đoàn có thể tham gia vào hoạt động nào liên quan đến BHXH? A. Thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật về BHXH B. Chỉ quan sát mà không có quyền can thiệp C. Chỉ thực hiện giám sát nội bộ công đoàn D. Không có quyền tham gia vào hoạt động BHXH Đáp án: A
58.	Câu 58: Công đoàn có thể thực hiện hành động pháp lý nào để bảo vệ quyền lợi BHXH của người lao động? A. Khởi kiện người có hành vi vi phạm pháp luật về BHXH gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, tập thể người lao động B. Chỉ gửi đơn kiến nghị lên người sử dụng lao động C. Không có quyền khởi kiện D. Chỉ can thiệp khi có yêu cầu từ cơ quan BHXH Đáp án: A
59.	Câu 59: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có quyền và trách nhiệm gì trong việc thực hiện chính sách BHXH? A. Chỉ thực hiện giám sát mà không tham gia tuyên truyền B. Chỉ vận động đoàn viên, hội viên tham gia bảo hiểm y tế C. Tuyên truyền, vận động Nhân dân, đoàn viên, hội viên thực hiện chính sách, pháp luật về BHXH D. Không có quyền và trách nhiệm trong BHXH Đáp án: C
60.	Câu 60: Một trong những nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên liên quan đến BHXH là gì? A. Không có trách nhiệm gì đối với BHXH B. Chỉ thực hiện giám sát mà không được phản biện C. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên D. Chỉ thu thập dữ liệu nhưng không chia sẻ với cơ quan BHXH Đáp án: C
61.	Câu 61: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có thể chia sẻ thông tin gì với cơ quan BHXH? A. Chỉ chia sẻ thông tin tài chính của tổ chức mình B. Chia sẻ thông tin, dữ liệu về người lao động, thành viên, hội viên của mình với cơ quan BHXH C. Không được phép chia sẻ thông tin với bất kỳ tổ chức nào D. Chỉ chia sẻ thông tin về mức đóng BHXH Đáp án: B
62.	Câu 62: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có thể thực hiện hoạt động nào để tham gia vào chính sách BHXH? A. Thực hiện các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia với cơ quan nhà nước trong việc xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật về BHXH

	B. Chỉ tham gia đóng BHXH cho hội viên C. Không có quyền tham gia xây dựng chính sách BHXH D. Chỉ giám sát nội bộ mà không tham gia với cơ quan nhà nước Đáp án: A
63.	Câu 63: Trong trường hợp nào cơ quan BHXH có quyền từ chối chi trả chế độ BHXH? A. Khi thấy người lao động có thu nhập cao B. Khi yêu cầu chi trả không đúng quy định của pháp luật C. Khi người lao động yêu cầu thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt D. Khi doanh nghiệp có quá nhiều lao động tham gia bảo hiểm Đáp án: B
64.	Câu 64: Cơ quan BHXH có trách nhiệm nào sau đây đối với người tham gia BHXH? A. Cung cấp thông tin định kỳ về việc đóng BHXH B. Cấp phát thẻ bảo hiểm y tế cho người dân C. Trực tiếp trả lương hưu hàng tháng D. Kiểm tra việc thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp Đáp án đúng: A
65.	Câu 65: Công dân Việt Nam đủ điều kiện nào sau đây để được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội? A. Từ đủ 65 tuổi trở lên B. Từ đủ 70 tuổi trở lên và đang hưởng lương hưu C. Từ đủ 75 tuổi trở lên, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp BHXH hằng tháng D. Từ đủ 60 tuổi trở lên và có giấy chứng nhận hộ nghèo Đáp án đúng: C
66.	Câu 66: Công dân Việt Nam từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc nhóm đối tượng nào thì được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội? A. Người có công với cách mạng B. Hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp BHXH hằng tháng C. Người đang tham gia BHXH bắt buộc D. Người có thu nhập cao nhưng không có BHXH Đáp án đúng: B
67.	Câu 67: Người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng có được hưởng bảo hiểm y tế không? A. Có, do ngân sách nhà nước đóng B. Không được hưởng C. Chỉ được hưởng khi có đủ 80 tuổi trở lên D. Chỉ được hưởng nếu thuộc hộ nghèo Đáp án đúng: A
68.	Câu 68: Khi người hưởng trợ cấp hưu trí xã hội qua đời, ai có thể nhận hỗ trợ chi phí mai táng? A. Người thừa kế hợp pháp

	B. Tổ chức, cá nhân lo mai táng C. Người đứng tên trong sổ hộ khẩu của người quá cố D. Cơ quan BHXH Đáp án đúng: B
69.	Câu 69: Mức trợ cấp hằng tháng thấp nhất đối với người lao động không đủ điều kiện hưởng lương hưu được xác định dựa trên yếu tố nào? A. Mức lương tối thiểu vùng B. Mức trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng C. Thu nhập trung bình của người lao động D. Số năm đóng BHXH Đáp án đúng: B
70.	Câu 70: Người đang hưởng trợ cấp hằng tháng có được nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế không? A. Có B. Không C. Chỉ khi đủ điều kiện hưởng lương hưu D. Chỉ khi có yêu cầu từ người lao động Đáp án đúng: A
71.	Câu 71: Hồ sơ đăng ký tham gia BHXH bắt buộc của người lao động bao gồm những gì? A. Tờ khai đăng ký tham gia BHXH của người lao động B. Tờ khai đăng ký tham gia BHXH của người sử dụng lao động kèm theo danh sách người lao động tham gia BHXH C. Cả A và B D. Chỉ cần hợp đồng lao động có đóng BHXH Đáp án đúng: C
72.	Câu 72: Sau khi nhận đủ hồ sơ, trong thời hạn bao nhiêu ngày làm việc, cơ quan BHXH phải cấp sổ BHXH cho người lao động? A. 03 ngày làm việc B. 05 ngày làm việc C. 07 ngày làm việc D. 10 ngày làm việc Đáp án đúng: B
73.	Câu 73: Trường hợp cơ quan BHXH không cấp sổ BHXH cho người lao động trong thời hạn quy định, thì phải làm gì để thông báo cho người lao động biết? A. Chuyển trách nhiệm sang đơn vị sử dụng lao động B. Tự động gia hạn thêm 5 ngày C. Báo cáo lên Bộ Nội vụ D. Trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do Đáp án đúng: D
74.	Câu 74: Khi thay đổi thông tin đăng ký kê khai tham gia BHXH, người lao động cần nộp giấy tờ gì cho cơ quan BHXH? A. Bản sao căn cước công dân

	B. Đơn xin điều chỉnh thông tin cá nhân C. Tờ khai điều chỉnh thông tin kèm theo bản sao giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh thông tin D. Hợp đồng lao động Đáp án đúng: C
75.	Câu 75: Tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc đối với người lao động hưởng lương do Nhà nước quy định bao gồm những khoản nào? A. Mức lương cơ bản và các khoản thưởng B. Mức lương theo hợp đồng lao động C. Tiền lương theo chức vụ, chức danh, ngạch, bậc và các khoản phụ cấp liên quan D. Mức lương do thỏa thuận giữa hai bên Đáp án đúng: C
76.	Câu 76: Tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc của người lao động hưởng lương do người sử dụng lao động quyết định bao gồm? A. Lương cơ bản và thưởng cuối năm B. Mức lương, phụ cấp lương và khoản bổ sung trả thưởng xuyên, ổn định C. Lương thực lĩnh mỗi tháng D. Các khoản phụ cấp không thường xuyên Đáp án đúng: B
77.	Câu 77: Mức tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc thấp nhất và cao nhất được quy định như thế nào? A. Thấp nhất bằng lương cơ bản, cao nhất bằng 10 lần mức lương tối thiểu B. Thấp nhất bằng mức tham chiếu, cao nhất bằng 20 lần mức tham chiếu C. Thấp nhất bằng mức chuẩn nghèo, cao nhất bằng 15 lần mức lương cơ bản D. Không có giới hạn mức tối đa và tối thiểu Đáp án đúng: B
78.	Câu 78: Tỷ lệ đóng BHXH bắt buộc vào quỹ ốm đau và thai sản là bao nhiêu? A. 2% tiền lương làm căn cứ đóng BHXH B. 3% tiền lương làm căn cứ đóng BHXH C. 5% tiền lương làm căn cứ đóng BHXH D. 6% tiền lương làm căn cứ đóng BHXH Đáp án đúng: B
79.	Câu 79: Mức đóng hằng tháng vào quỹ hưu trí và tử tuất của người lao động là bao nhiêu phần trăm? A. 3% B. 8% C. 22% D. 25% Đáp án đúng: B
80.	Câu 80: Người lao động không hưởng lương từ 14 ngày trở lên trong tháng thì có phải đóng BHXH không? A. Vẫn phải đóng BHXH

	B. Không phải đóng BHXH tháng đó C. Đóng 50% mức quy định D. Được miễn đóng trong 3 tháng Đáp án đúng: B.
81.	Câu 81: Trường hợp người lao động có thỏa thuận với người sử dụng lao động vẫn đóng BHXH khi không hưởng lương từ 14 ngày trở lên thì căn cứ đóng là gì? A. Mức tham chiếu B. Tiền lương cơ bản C. Căn cứ đóng BHXH của tháng gần nhất D. Lương tối thiểu vùng Đáp án đúng: C.
82.	Câu 82: Trong tháng đầu làm việc, nếu người lao động nghỉ ốm đau từ 14 ngày trở lên thì có phải đóng BHXH không? A. Không phải đóng B. Tùy theo mức lương C. Vẫn phải đóng D. Được miễn nếu có giấy xác nhận Đáp án đúng: C.
83.	Câu 83: Tỷ lệ đóng vào quỹ ốm đau và thai sản của người sử dụng lao động cho người lao động hằng tháng là bao nhiêu? A. 2% B. 3% C. 5% D. 6% Đáp án đúng: B
84.	Câu 84: Tỷ lệ đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất của người sử dụng lao động hằng tháng cho người lao động là bao nhiêu? A. 10% B. 12% C. 14% D. 22% Đáp án đúng: C
85.	Câu 85: Nếu người lao động không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng, người sử dụng lao động có phải đóng BHXH không? A. Có, vẫn phải đóng đủ B. Không phải đóng, trừ trường hợp có thỏa thuận với người lao động về việc có đóng C. Tùy theo loại hợp đồng D. Do người lao động tự đóng Đáp án đúng: B
86.	Câu 86: Phương thức đóng BHXH của người sử dụng lao động là: A. Theo quý B. Hằng năm

	C. Hằng tháng D. Một lần cho nhiều năm Đáp án đúng: C
87.	Câu 87: Người nào sau đây được tham gia BHXH tự nguyện? A. Người đang hưởng lương hưu B. Công dân từ đủ 15 tuổi trở lên không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc C. Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam D. Người lao động đang tham gia BHYT Đáp án đúng: B
88.	Câu 88: Thời điểm đóng BHXH một lần cho thời gian còn thiếu để đủ điều kiện hưởng lương hưu là khi nào? A. Sau khi đủ tuổi nghỉ hưu B. Bất cứ lúc nào C. Tại thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu D. Sớm nhất là tháng trước liền kề tháng đủ tuổi nghỉ hưu Đáp án đúng: D
89.	Câu 89: Trốn đóng BHXH bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp được hiểu là gì? A. Đóng bảo hiểm muộn hơn 15 ngày so với quy định B. Không kê khai mức lương đúng với hợp đồng lao động C. Có hành vi nhằm không đóng hoặc đóng không đầy đủ BHXH, BHTN cho NLĐ D. Không nộp báo cáo tài chính định kỳ cho cơ quan BHXH Đáp án đúng: C
90.	Câu 90: Hành vi nào sau đây bị coi là trốn đóng BHXH bắt buộc? A. Đóng BHXH sau thời hạn 10 ngày B. Không đăng ký hoặc đăng ký không đầy đủ số người phải tham gia BHXH sau 60 ngày kể từ thời hạn quy định C. Người lao động xin tạm hoãn đóng BHXH D. Cơ quan bảo hiểm chưa thông báo truy thu Đáp án đúng: B
91.	Câu 91: Người sử dụng lao động bị coi là trốn đóng bảo hiểm thất nghiệp nếu không đăng ký số người phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp sau bao ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định? A. 30 ngày B. 45 ngày C. 60 ngày D. 90 ngày Đáp án đúng: C
92.	Câu 92. Hành vi trốn đóng BHXH bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp có thể bị xử lý theo hình thức nào dưới đây? A. Buộc phải công khai xin lỗi người lao động B. Chỉ bị xử lý nội bộ trong doanh nghiệp C. Xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định

	của pháp luật D. Tạm đình chỉ hoạt động của doanh nghiệp trong 6 tháng Đáp án đúng: C
93.	Câu 93: Đối tượng nào được hưởng chế độ ốm đau khi nghỉ việc để điều trị bệnh không phải bệnh nghề nghiệp? A. Người đang hưởng lương hưu B. Người làm việc theo hợp đồng lao động từ đủ 1 tháng trở lên C. Người giúp việc gia đình không tham gia BHXH D. Người lao động chưa tham gia BHXH Đáp án đúng: B
94.	Câu 94: Người lao động được hưởng chế độ ốm đau trong trường hợp nào sau đây? A. Nghỉ việc để chăm sóc người thân trên 80 tuổi B. Điều trị khi bị tai nạn ngoài lao động C. Nghỉ việc đi du lịch D. Nghỉ việc vì lý do cá nhân Đáp án đúng: B
95.	Câu 95: Người lao động được hưởng chế độ ốm đau khi chăm sóc con dưới bao nhiêu tuổi bị ốm đau? A. Dưới 10 tuổi B. Dưới 8 tuổi C. Dưới 7 tuổi D. Dưới 6 tuổi Đáp án đúng: C
96.	Câu 96: Người lao động có được hưởng chế độ ốm đau nếu tự gây thương tích cho bản thân không? A. Có B. Không C. Chỉ trong trường hợp đặc biệt D. Phụ thuộc vào mức độ thương tích Đáp án đúng: B
97.	Câu 97: Hành vi nào sau đây khiến người lao động không được hưởng chế độ ốm đau? A. Bị tai nạn trên đường đi làm B. Điều trị bệnh tại bệnh viện C. Sử dụng chất ma túy trái phép D. Chăm sóc con ốm Đáp án đúng: C
98.	Câu 98: Người lao động bị tai nạn trên đường từ nhà đến nơi làm việc có được hưởng chế độ ốm đau không? A. Có B. Không C. Chỉ khi có xác nhận của công an D. Chỉ khi nghỉ việc đủ 3 ngày trở lên

	Đáp án đúng: A
99.	Câu 99: Người lao động hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật có được hưởng chế độ ốm đau không? A. Có B. Không C. Chỉ được nghỉ không hưởng lương D. Phụ thuộc vào thời gian nghỉ Đáp án đúng: A
100.	Câu 100: Người lao động đang nghỉ việc hưởng chế độ thai sản, nếu bị ốm đau có được hưởng thêm chế độ ốm đau không? A. Có B. Không C. Có nếu bệnh nặng D. Tùy theo quy định của đơn vị sử dụng lao động Đáp án đúng: B
101.	Câu 101: Đối tượng nào sau đây được hưởng chế độ ốm đau khi nghỉ việc để điều trị bệnh không phải bệnh nghề nghiệp? A. Người đang hưởng lương hưu B. Người làm việc theo hợp đồng lao động từ đủ 1 tháng trở lên C. Người giúp việc gia đình không tham gia BHXH D. Người lao động chưa tham gia BHXH Đáp án đúng: B
102.	Câu 102: Người lao động được hưởng chế độ ốm đau trong trường hợp nào sau đây? A. Nghỉ việc để chăm sóc người thân trên 80 tuổi B. Điều trị khi bị tai nạn ngoài lao động C. Nghỉ việc đi du lịch D. Nghỉ việc vì lý do cá nhân Đáp án đúng: B
103.	Câu 103: Người lao động được hưởng chế độ ốm đau khi chăm sóc con dưới bao nhiêu tuổi bị ốm đau? A. Dưới 10 tuổi B. Dưới 8 tuổi C. Dưới 7 tuổi D. Dưới 6 tuổi Đáp án đúng: C
104.	Câu 104: Hành vi nào sau đây khiến người lao động không được hưởng chế độ ốm đau? A. Bị tai nạn trên đường đi làm B. Điều trị bệnh tại bệnh viện C. Sử dụng chất ma túy trái phép D. Chăm sóc con ốm Đáp án đúng: C
105.	Câu 105: Người lao động đang nghỉ việc hưởng chế độ thai sản, nếu bị ốm

	đau có được hưởng thêm chế độ ốm đau không? A. Có B. Không C. Có, nếu bệnh nặng D. Tùy theo quy định của đơn vị sử dụng lao động Đáp án đúng: B
106.	Câu 106: Thời gian hưởng chế độ ốm đau trong một năm đối với người lao động làm việc trong điều kiện bình thường và đã đóng BHXH dưới 15 năm là bao nhiêu ngày? A. 20 ngày B. 30 ngày C. 40 ngày D. 60 ngày Đáp án đúng: B
107.	Câu 107: Người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, đã đóng BHXH từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm được hưởng chế độ ốm đau tối đa bao nhiêu ngày trong năm? A. 40 ngày B. 50 ngày C. 60 ngày D. 70 ngày Đáp án đúng: B
108.	Câu 108: Người lao động làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã đóng BHXH đủ 30 năm trở lên được hưởng tối đa bao nhiêu ngày ốm đau trong năm? A. 50 ngày B. 60 ngày C. 70 ngày D. 80 ngày Đáp án đúng: C
109.	Câu 109. Theo Luật BHXH năm 2024, thời gian hưởng chế độ chăm sóc con ốm đau trong một năm đối với mỗi con dưới 03 tuổi là bao nhiêu ngày? A. Tối đa 10 ngày B. Tối đa 15 ngày C. Tối đa 20 ngày D. Không giới hạn thời gian Đáp án đúng: C
110.	Câu 110. Khi cả cha và mẹ đều tham gia BHXH bắt buộc thì thời gian hưởng chế độ chăm sóc con ốm đau được xác định như thế nào? A. Một người nghỉ, người còn lại không được nghỉ

	B. Chia đều tổng số ngày theo quy định cho cả hai người C. Mỗi người được nghỉ theo mức quy định của pháp luật về BHXH D. Tổng thời gian nghỉ của cả hai người không được vượt quá 15 ngày Đáp án đúng: C
111.	Câu 111: Mức hưởng trợ cấp ốm đau của người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên bằng bao nhiêu phần trăm tiền lương làm căn cứ đóng BHXH? A. 100% B. 75% C. 65% D. 50% Đáp án đúng: B
112.	Câu 112. Người lao động đã đóng BHXH bắt buộc từ đủ 30 năm trở lên được hưởng mức trợ cấp ốm đau bằng: A. 55% tiền lương làm căn cứ đóng BHXH B. 65% tiền lương làm căn cứ đóng BHXH C. 75% tiền lương làm căn cứ đóng BHXH D. 100% tiền lương làm căn cứ đóng BHXH Đáp án đúng: B
113.	Câu 113. Mức hưởng trợ cấp ốm đau một ngày được tính như thế nào? A. Chia đều tiền lương tháng cho 22 ngày B. Chia đều tiền lương tháng cho số ngày nghỉ thực tế C. Mức hưởng trợ cấp ốm đau theo tháng chia cho 24 ngày D. Lấy 1/30 tiền lương tháng Đáp án đúng: C
114.	Câu 114. Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau được tính bao gồm: A. Chỉ ngày làm việc B. Không tính ngày lễ, Tết C. Bao gồm cả ngày nghỉ lễ, Tết, ngày nghỉ hằng tuần D. Chỉ tính ngày công tác Đáp án đúng: C
115.	Câu 115. Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe tối đa là bao nhiêu ngày nếu người lao động ốm đau do mắc bệnh cần chữa trị dài ngày? A. 5 ngày B. 7 ngày C. 10 ngày D. 15 ngày

	Đáp án đúng: C
116.	Câu 116. Hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp ốm đau đối với người lao động điều trị nội trú cần có một trong các giấy tờ nào sau đây? A. Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH B. Hợp đồng lao động C. Giấy ra viện hoặc bản tóm tắt hồ sơ bệnh án D. Đơn xin nghỉ ốm có xác nhận của công ty Đáp án đúng: C
117.	Câu 117. Hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp ốm đau đối với người lao động hoặc con của người lao động điều trị nội trú là bản chính hoặc bản sao của một trong các giấy tờ nào sau đây? A. Giấy ra viện; B. Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án; C. Giấy tờ khác chứng minh quá trình điều trị nội trú. D. Cả A, B, C đều đúng Đáp án đúng: D
118.	Câu 118. Người lao động có trách nhiệm nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp ốm đau cho ai? A. Người sử dụng lao động; B. Công đoàn cơ sở; C. Bệnh viện nơi đến khám chữa bệnh Đáp án đúng: A
119.	Câu 119. Cơ quan BHXH có trách nhiệm giải quyết hồ sơ trợ cấp ốm đau trong thời hạn bao nhiêu ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ từ người sử dụng lao động? A. 05 ngày làm việc B. 07 ngày làm việc C. 10 ngày làm việc D. 15 ngày làm việc Đáp án đúng: B
120.	Câu 120. Trong thời hạn bao nhiêu ngày làm việc kể từ ngày người lao động nghỉ việc hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, người sử dụng lao động phải lập danh sách và nộp cho cơ quan BHXH? A. 03 ngày làm việc B. 05 ngày làm việc C. 07 ngày làm việc D. 10 ngày làm việc Đáp án đúng: C
121.	Câu 121. Lao động nam tham gia BHXH bắt buộc được hưởng chế độ thai

	sản khi: A. Có vợ mang thai hoặc sinh con B. Có vợ sinh con hoặc vợ mang thai hộ sinh con C. Có con bị ốm D. Xin nghỉ chăm sóc con dưới 12 tháng Đáp án đúng: B
122.	Câu 122. Đối tượng lao động nữ sinh con được hưởng chế độ thai sản nếu đã đóng BHXH bắt buộc trong thời gian nào? A. Từ đủ 03 tháng trong 12 tháng liền kề trước khi sinh con B. Từ đủ 06 tháng trong 12 tháng liền kề trước khi sinh con C. Từ đủ 12 tháng trong 24 tháng liền kề trước khi sinh con D. Từ đủ 03 tháng trong 24 tháng liền kề trước khi sinh con Đáp án đúng: B
123.	Câu 123. Lao động nữ mang thai nghỉ việc để dưỡng thai theo chỉ định của cơ sở y tế, được hưởng chế độ thai sản nếu đã đóng BHXH trong trường hợp nào sau đây: A. Từ đủ 03 tháng trở lên trong 12 tháng liền kề trước sinh con B. Từ đủ 06 tháng trở lên trong 12 tháng liền kề trước sinh con C. Từ đủ 12 tháng trở lên trong 12 tháng liền kề trước sinh con D. Từ đủ 03 tháng trở lên trong 24 tháng liền kề trước sinh con Đáp án đúng: A
124.	Câu 124. Người lao động đã đủ điều kiện hưởng chế độ thai sản nhưng chấm dứt hợp đồng lao động trước thời điểm sinh con hoặc nhận con thì: A. Không được hưởng chế độ thai sản B. Được hưởng nếu có xác nhận của cơ quan cũ C. Vẫn được hưởng chế độ thai sản theo quy định D. Phải có thời gian đóng BHXH đủ 24 tháng Đáp án đúng: C
125.	Câu 125. Lao động nữ mang thai được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản để đi khám thai tối đa mấy lần, mỗi lần không quá bao nhiêu ngày? A. 04 lần, mỗi lần không quá 02 ngày B. 05 lần, mỗi lần không quá 02 ngày C. 05 lần, mỗi lần không quá 03 ngày D. 04 lần, mỗi lần không quá 03 ngày Đáp án đúng: B
126.	Câu 126. Thời gian nghỉ thai sản của lao động nữ trước và sau khi sinh con là bao nhiêu tháng? A. 04 tháng B. 05 tháng

	C. 06 tháng D. 08 tháng Đáp án đúng: C
127.	Câu 127. Nếu lao động nữ sinh đôi trở lên, thì từ con thứ hai trở đi được nghỉ thêm: A. 7 ngày mỗi con B. 10 ngày mỗi con C. 15 ngày mỗi con D. 1 tháng mỗi con Đáp án đúng: D
128.	Câu 128. Lao động nữ có thể trở lại làm việc trước thời hạn nghỉ thai sản nếu đã nghỉ ít nhất bao lâu? A. 02 tháng B. 03 tháng C. 04 tháng D. 05 tháng Đáp án đúng: C
129.	Câu 129. Lao động nam đang tham gia BHXH bắt buộc được nghỉ bao nhiêu ngày làm việc khi vợ sinh con thông thường? A. 03 ngày làm việc B. 05 ngày làm việc C. 07 ngày làm việc D. 10 ngày làm việc Đáp án đúng: B
130.	Câu 130. Lao động nam có vợ sinh ba con (không phải phẫu thuật), được nghỉ: A. 14 ngày làm việc B. 10 ngày làm việc C. 13 ngày làm việc D. 16 ngày làm việc Đáp án đúng: C (10 ngày cho sinh đôi + 3 ngày cho con thứ ba)
131.	Câu 131. Trường hợp vợ sinh đôi và phải phẫu thuật, lao động nam được nghỉ bao nhiêu ngày? A. 10 ngày B. 12 ngày C. 14 ngày D. 16 ngày Đáp án đúng: C

132.	Câu 132. Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng có được tính là thời gian đóng BHXH bắt buộc không? A. Có, nhưng người lao động phải tự đóng B. Có, và không phải đóng BHXH C. Không được tính D. Chỉ tính 50% Đáp án đúng: B
133.	Câu 133. Lao động nữ mang thai hộ mà thời điểm giao đứa trẻ vào ngày thứ hai mươi lăm (25 ngày) kể từ ngày sinh thì được nghỉ hưởng chế độ thai sản bao nhiêu ngày? A. Được hưởng chế độ thai sản đến ngày giao đứa trẻ (25 ngày) B. Được hưởng chế độ thai sản cho đến khi đủ 30 ngày C. Được hưởng chế độ thai sản cho đến khi đủ 45 ngày tính cả ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ hằng tuần D. Được hưởng chế độ thai sản cho đến khi đủ 60 ngày tính cả ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ hằng tuần Đáp án đúng: D
134.	Câu 134. Lao động nữ nhờ mang thai hộ được hưởng chế độ thai sản nếu đã đóng BHXH bắt buộc trong thời gian nào? A. Từ đủ 03 tháng trong 12 tháng trước khi nhận con B. Từ đủ 06 tháng trong 12 tháng tính đến thời điểm nhận con C. Từ đủ 12 tháng bất kỳ D. Từ đủ 06 tháng trong 24 tháng trước khi nhận con Đáp án đúng: B
135.	Câu 135. Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản của lao động nữ nhờ mang thai hộ kéo dài đến khi nào? A. Con đủ 3 tháng tuổi B. Hết 90 ngày từ ngày nhận con C. Con đủ 6 tháng tuổi D. Khi có xác nhận đủ điều kiện chăm sóc con Đáp án đúng: C
136.	Câu 136. Trường hợp sinh đôi trở lên, lao động nữ nhờ mang thai hộ được nghỉ thêm bao nhiêu thời gian? A. 07 ngày cho mỗi con tính từ con thứ hai B. 01 tháng cho mỗi con tính từ con thứ hai C. 15 ngày cho mỗi con tính từ con thứ ba D. 02 tháng cho mỗi con Đáp án đúng: B
137.	Câu 137. Người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi thì được

	nghỉ việc hưởng chế độ thai sản đến khi nào? A. Khi con tròn 3 tháng tuổi B. Hết 4 tháng từ ngày nhận nuôi C. Con đủ 6 tháng tuổi D. Hết 90 ngày kể từ ngày nhận nuôi Đáp án đúng: C
138.	Câu 138. Lao động nữ sinh con có điều kiện nào sau đây thì được trợ cấp một lần khi sinh con? A. Đóng BHXH bắt buộc từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng liền kề trước khi sinh con. B. Đã đóng BHXH bắt buộc từ đủ 12 tháng trở lên mà khi mang thai phải nghỉ việc để dưỡng thai theo chỉ định của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì phải đóng BHXH bắt buộc từ đủ 03 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng liền kề trước khi sinh con. C. Đã đóng BHXH bắt buộc từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 24 tháng liền kề trước khi sinh con đối với trường hợp phải nghỉ việc để điều trị vô sinh. D. Một trong các điều kiện A, B hoặc C Đáp án đúng: D
139.	Câu 139. Theo quy định, người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi có được trợ cấp một lần không? A. Không được hưởng trợ cấp. B. Được hưởng trợ cấp nếu người sử dụng lao động có quy định. C. Được hưởng trợ cấp nếu người lao động đóng BHXH bắt buộc từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng liền kề trước khi nhận nuôi con nuôi. Đáp án đúng: C
140.	Câu 140. Mức trợ cấp một lần cho mỗi con với lao động nữ sinh con, nhận con do nhờ mang thai hộ, nhận nuôi con nuôi được tính thế nào? A. Bằng 02 lần mức tham chiếu tại tháng lao động nữ sinh con, nhận con do nhờ mang thai hộ, nhận nuôi con nuôi. B. Bằng 03 lần mức tham chiếu tại tháng lao động nữ sinh con, nhận con do nhờ mang thai hộ, nhận nuôi con nuôi. C. Bằng 1,5 lần mức tham chiếu tại tháng lao động nữ sinh con, nhận con do nhờ mang thai hộ, nhận nuôi con nuôi. Đáp án đúng: A
141.	Câu 141. Mức trợ cấp thai sản một tháng của người lao động đủ điều kiện hưởng theo quy định bằng bao nhiêu? A. Bằng 50% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc của 06 tháng gần nhất trước khi nghỉ việc hưởng chế độ thai sản. B. Bằng 100% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc của

	06 tháng gần nhất trước khi nghỉ việc hưởng chế độ thai sản. C. Bằng 120% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc của 06 tháng gần nhất trước khi nghỉ việc hưởng chế độ thai sản. Đáp án đúng: B
142.	Câu 142. Trong thời gian bao nhiêu ngày kể từ ngày hết thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản, lao động nữ chưa phục hồi sức khỏe thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe? A. 10 ngày B. 30 ngày C. 60 ngày D. 90 ngày Đáp án đúng: B
143.	Câu 143. Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ thai sản đối với lao động nữ sinh con bắt buộc phải có loại giấy tờ nào? A. Giấy khai sinh của mẹ B. Bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh hoặc bản sao giấy chứng sinh của con C. Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân D. Bản sao thỏa thuận mang thai hộ Đáp án đúng: B
144.	Câu 144. Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ thai sản trong trường hợp các giấy tờ do nước ngoài cấp thì phải kèm theo điều kiện nào sau đây? A. Dịch tiếng Việt không cần công chứng B. Dịch tiếng Việt được công chứng hoặc chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự (trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác) C. Xác nhận của Bộ Ngoại giao D. Bản sao công chứng từ tổ chức xã hội Đáp án đúng: B
145.	Câu 145: Người lao động có trách nhiệm nộp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ thai sản cho người sử dụng lao động trong thời hạn bao lâu kể từ ngày hết thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản? A. 30 ngày B. 45 ngày C. 60 ngày D. 90 ngày Đáp án đúng: B
146.	Câu 146: Người lao động sẽ trực tiếp nộp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ thai sản cho cơ quan BHXH trong trường hợp nào sau đây? A. Vẫn đang làm việc tại đơn vị

	B. Nghỉ việc sau sinh con 6 tháng C. Thôi việc trước khi sinh con D. Có hợp đồng lao động không xác định thời hạn Đáp án đúng: C
147.	Câu 147: Cơ quan BHXH có trách nhiệm giải quyết hồ sơ hưởng chế độ thai sản trong thời hạn bao lâu kể từ ngày nhận đủ hồ sơ từ người lao động? A. 03 ngày làm việc B. 05 ngày làm việc C. 07 ngày làm việc D. 10 ngày làm việc Đáp án đúng: B
148.	Câu 148: Để được hưởng lương hưu, người lao động (trừ các trường hợp đặc biệt theo quy định) phải có thời gian đóng BHXH bắt buộc tối thiểu là: A. 10 năm B. 12 năm C. 15 năm D. 20 năm Đáp án đúng: C
149.	Câu 149: Từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của lao động nam trong điều kiện lao động bình thường được quy định thế nào? A. Đủ 60 tuổi 3 tháng. Sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 3 tháng cho đến khi đủ 62 tuổi vào năm 2028 B. Đủ 60 tuổi 2 tháng. Sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 3 tháng cho đến khi đủ 62 tuổi vào năm 2028 C. Đủ 60 tuổi 3 tháng. Sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 3 tháng cho đến khi đủ 65 tuổi vào năm 2031 Đáp án đúng: A
150.	Câu 150. Từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của lao động nữ trong điều kiện lao động bình thường được quy định thế nào? A. Đủ 55 tuổi 3 tháng. Sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 3 tháng cho đến khi đủ 60 tuổi vào năm 2040. B. Đủ 55 tuổi 4 tháng. Sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 4 tháng cho đến khi đủ 60 tuổi vào năm 2035. C. Đủ 55 tuổi 5 tháng. Sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 5 tháng cho đến khi đủ 60 tuổi vào năm 2033. Đáp án đúng: B
151.	Câu 151. Người lao động bị suy giảm khả năng lao động, đã đủ thời gian đóng BHXH bắt buộc thì có thể được nghỉ hưu trước tuổi nhưng không quá bao nhiêu năm so với quy định?

	A. Không quá 08 năm B. Không quá 06 năm C. Không quá 05 năm Đáp án đúng: C
152.	Câu 152. Người lao động có thời gian đóng BHXH từ đủ 20 năm, có tuổi thấp hơn tối đa 10 tuổi so với tuổi nghỉ hưu thì cần có điều kiện nào để được hưởng lương hưu với mức thấp hơn quy định? A. Bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên B. Làm việc ở vùng sâu, vùng xa C. Có ít nhất 10 năm làm công việc nặng nhọc D. Có tổng thời gian công tác trên 30 năm Đáp án đúng: A
153.	Câu 153. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp khi nghỉ việc, có thời gian đóng BHXH từ đủ 20 năm trở lên và bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên thì được hưởng lương hưu với mức thấp hơn trong trường hợp nào? A. Có thời gian công tác ở hải đảo trên 5 năm B. Có tuổi thấp hơn tối đa 10 tuổi so với tuổi nghỉ hưu theo quy định C. Có 10 năm phục vụ trong lực lượng vũ trang D. Là cán bộ quản lý cấp cao Đáp án đúng: B
154.	Câu 154. Lao động nữ được hưởng lương hưu bằng 45% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH nếu có thời gian đóng BHXH bắt buộc là: A. 10 năm B. 15 năm C. 20 năm D. 25 năm Đáp án đúng: B
155.	Câu 155. Lao động nam có thời gian đóng BHXH bắt buộc đủ 15 năm thì mức lương hưu hằng tháng bằng bao nhiêu phần trăm mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH? A. 45% B. 40% C. 50% D. 35% Đáp án đúng: B
156.	Câu 156. Lương hưu được điều chỉnh trên cơ sở nào: A. Mức tăng của chỉ số giá tiêu dùng B. Mức tăng của chỉ số giá tiêu dùng phù hợp với khả năng của ngân sách nhà

	nước và quỹ BHXH C. Khả năng của ngân sách nhà nước và quỹ BHXH D. Khả năng của ngân sách nhà nước Đáp án đúng: B
157.	Câu 157. Người lao động có thời gian đóng BHXH bắt buộc cao hơn bao nhiêu năm thì khi nghỉ hưu, ngoài lương hưu còn được hưởng trợ cấp một lần. A. Nam cao hơn 30 năm, nữ cao hơn 28 năm B. Nam cao hơn 32 năm, nữ cao hơn 30 năm C. Nam cao hơn 35 năm, nữ cao hơn 30 năm D. Nam cao hơn 30 năm, nữ cao hơn 25 năm Đáp án đúng: C
158.	Câu 158. Mức hưởng trợ cấp một lần cho mỗi năm người lao động đóng BHXH bắt buộc cao hơn quy định là bao nhiêu? A. Bằng 0,3 lần của mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH cho mỗi năm đóng cao hơn đến tuổi nghỉ hưu B. Bằng 0,5 lần của mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH cho mỗi năm đóng cao hơn đến tuổi nghỉ hưu C. Bằng 0,7 lần của mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH cho mỗi năm đóng cao hơn đến tuổi nghỉ hưu D. Bằng 0,8 lần của mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH cho mỗi năm đóng cao hơn đến tuổi nghỉ hưu Đáp án đúng: B
159.	Câu 159. Mức hưởng BHXH một lần đối với thời gian đóng BHXH từ năm 2014 trở đi là: A. 1,0 tháng mức bình quân tiền lương B. 1,5 tháng mức bình quân tiền lương C. 2,0 tháng mức bình quân tiền lương D. 2,5 tháng mức bình quân tiền lương Đáp án đúng: C
160.	Câu 160. Trường hợp người lao động có thời gian đóng BHXH chưa đủ 1 năm thì mức hưởng BHXH một lần được tính như thế nào? A. Tính theo mức lương bình quân của 1 năm B. Bằng số tiền đã đóng, tối đa không quá 2 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH C. Bằng 1 tháng mức lương tối thiểu D. Không được hưởng Đáp án đúng: B
161.	Câu 161. Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do

	Nhà nước quy định, có toàn bộ thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương này và bắt đầu tham gia BHXH trước ngày 01/01/1995 sẽ được tính mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH của bao nhiêu năm cuối trước khi nghỉ hưu? A. 10 năm cuối B. 15 năm cuối C. 05 năm cuối D. Toàn bộ thời gian đóng BHXH Đáp án đúng: C
162.	Câu 162. Mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH của người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định và bắt đầu tham gia BHXH từ ngày 01/01/2025 trở đi sẽ được tính như thế nào? A. Theo 15 năm cuối trước khi nghỉ hưu B. Theo toàn bộ thời gian đóng BHXH C. Theo 20 năm cuối trước khi nghỉ hưu D. Theo 10 năm cuối trước khi nghỉ hưu Đáp án đúng: B
163.	Câu 163. Đối với người lao động có toàn bộ thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định, mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH được tính như thế nào? A. 15 năm cuối B. 20 năm cuối C. 10 năm cuối D. Toàn bộ thời gian Đáp án đúng: D
164.	Câu 164. Nếu người lao động có thời gian đóng BHXH theo cả hai chế độ (Nhà nước quy định và do người sử dụng lao động quyết định), thì cách tính mức bình quân tiền lương sẽ như thế nào? A. Tính riêng từng thời kỳ, sau đó cộng trung bình B. Tính theo mức cao nhất của cả hai C. Tính bình quân chung cho toàn bộ thời gian, trong đó phần tiền lương Nhà nước tính theo quy định đối với đối tượng thực hiện chế độ tiền lương Nhà nước D. Chỉ tính theo thời gian do Nhà nước quy định Đáp án đúng: C
165.	Câu 165. Tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc để tính mức bình quân của người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định và bắt đầu tham gia BHXH trước ngày 01/01/2016 sẽ được điều chỉnh như thế nào?

	A. Theo mức tăng trưởng tiền lương bình quân toàn xã hội B. Theo mức tham chiếu tại thời điểm hưởng chế độ hưu trí C. Theo tỷ lệ đóng – hưởng của từng thời kỳ D. Theo chỉ số giá tiêu dùng hàng năm Đáp án đúng: B
166.	Câu 166: Trường hợp người hưởng lương hưu chết khi chưa nhận lương hưu của một số tháng trước đó, thì khoản tiền này được xử lý như thế nào? A. Bị hủy bỏ hoàn toàn B. Được chuyển vào quỹ BHXH C. Được chi trả cho thân nhân người đã chết D. Được dùng để hỗ trợ người lao động khác Đáp án đúng: C
167.	Câu 167. Mức trợ cấp một lần đối với người đang hưởng lương hưu ra nước ngoài để định cư được tính theo nguyên tắc nào? A. Mỗi năm đóng BHXH được tính bằng 02 tháng lương hưu đang hưởng B. Mỗi năm đóng BHXH trước năm 2014 tính bằng 1,5 tháng, từ năm 2014 trở đi tính bằng 02 tháng lương hưu đang hưởng; trừ 0,5 tháng cho mỗi tháng đã hưởng C. Tổng thời gian đóng BHXH nhân với 1 tháng lương hưu đang hưởng D. Cố định bằng 03 tháng lương hưu đang hưởng Đáp án đúng: B
168.	Câu 168: Hồ sơ đề nghị hưởng lương hưu đối với người đang tham gia BHXH bắt buộc gồm những giấy tờ nào sau đây? A. Sổ BHXH và bản sao giấy khai sinh B. Sổ BHXH và giấy khám sức khỏe định kỳ C. Sổ BHXH và văn bản xác định việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc tương đương D. Sổ BHXH và hộ khẩu thường trú Đáp án đúng: C
169.	Câu 169. Người mắc bệnh hiểm nghèo như ung thư, bại liệt, AIDS... khi đề nghị hưởng BHXH một lần cần nộp thêm giấy tờ gì? A. Bản sao hộ khẩu thường trú. B. Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án hoặc bản chính/bản sao giấy ra viện. C. Giấy xác nhận của tổ dân phố. D. Đơn cam kết tự nguyện rút khỏi chế độ BHXH. Đáp án đúng: B
170.	Câu 170: Trong thời hạn bao nhiêu ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan BHXH phải giải quyết hồ sơ đề nghị hưởng BHXH một lần? A. 10 ngày

	B. 07 ngày làm việc C. 15 ngày làm việc D. 20 ngày Đáp án đúng: B
171.	Câu 171. Những đối tượng nào được hưởng chế độ tử tuất của người tham gia BHXH bị chết: A. Là thân nhân đủ điều kiện theo quy định B. Là người thừa kế đủ điều kiện theo quy định C. Là tổ chức, cá nhân lo mai táng theo quy định D. Thuộc một trong các trường hợp trên Đáp án đúng: D
172.	Câu 172. Đối tượng nào sau đây được hưởng trợ cấp mai táng khi chết? A. Người đã nghỉ làm việc chưa từng tham gia BHXH B. Người tham gia BHXH bắt buộc dưới 12 tháng C. Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp D. Người đang hưởng lương hưu Đáp án đúng: D
173.	Câu 173. Mức trợ cấp mai táng theo Luật BHXH năm 2024 được tính như thế nào? A. 05 lần mức lương cơ sở tại thời điểm chết B. 10 lần mức lương tối thiểu vùng tại thời điểm chết C. 10 lần mức tham chiếu tại tháng người đó chết D. 12 lần mức lương cơ sở tại thời điểm chết Đáp án đúng: C
174.	Câu 174. Đối tượng nào sau đây không thuộc diện được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng? A. Con dưới 18 tuổi của người lao động đã chết B. Vợ của người lao động đã chết đang đi làm và có đóng BHXH bắt buộc C. Con bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên D. Cha vợ bị suy giảm khả năng lao động, được nghỉ hưu sớm theo quy định, con rể là người lao động bị chết có trách nhiệm nuôi dưỡng Đáp án đúng: B
175.	Câu 175. Mức trợ cấp tuất hằng tháng đối với mỗi thân nhân người lao động bị chết theo quy định của Luật BHXH năm 2024 là bao nhiêu? A. 100% mức tham chiếu B. 70% mức tham chiếu đối với mọi trường hợp C. 50% mức tham chiếu, nếu không có người trực tiếp nuôi dưỡng thì là 70% D. 60% mức lương cơ sở Đáp án đúng: C

176.	Câu 176. Theo Luật BHXH năm 2024, tối đa có bao nhiêu thân nhân được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng từ một người chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết? A. 02 người B. 03 người C. 04 người D. Không giới hạn số lượng Đáp án đúng: C
177.	Câu 177. Trường hợp con được sinh sau thời điểm người cha chết thì thời điểm hưởng trợ cấp tuất hằng tháng của con được tính từ khi nào? A. Từ tháng người cha mất B. Từ tháng con đủ 06 tháng tuổi C. Từ tháng con được sinh D. Từ tháng mẹ nộp hồ sơ Đáp án đúng: C
178.	Câu 178. Thân nhân thuộc diện được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng nhưng muốn nhận trợ cấp tuất một lần thì: A. Không được phép vì đã đủ điều kiện hưởng tuất hằng tháng B. Phải chờ 6 tháng sau khi người lao động chết mới được giải quyết C. Phải có đơn và được giải quyết theo nguyện vọng D. Chỉ được hưởng nếu người chết là nạn nhân của tai nạn lao động Đáp án đúng: C
179.	Câu 179. Theo quy định tại Luật BHXH năm 2024, mức trợ cấp tuất một lần đối với thân nhân của người đang tham gia BHXH hoặc đang bảo lưu thời gian đóng BHXH được tính như thế nào? A. Bằng 1 tháng mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH cho mỗi năm đóng BHXH B. Bằng tổng số tháng đã đóng BHXH nhân với 1 tháng mức lương cơ sở C. Bằng mức trợ cấp tuất cho mỗi năm đóng BHXH nhân với số năm đóng BHXH, nhưng không thấp hơn 3 tháng mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH D. Bằng 3 tháng lương hưu của người lao động Đáp án đúng: C
180.	Câu 180. Thời hạn tối đa để thân nhân hoặc tổ chức, cá nhân lo mai táng nộp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ tử tuất cho người đang bảo lưu thời gian đóng BHXH hoặc đang hưởng/tạm dừng hưởng lương hưu, trợ cấp sau khi người này chết là bao nhiêu ngày? A. 60 ngày B. 90 ngày

	C. 30 ngày D. 120 ngày Đáp án đúng: B
181.	Câu 181. Hình thức nào dưới đây không được sử dụng để chi trả lương hưu và chế độ BHXH? A. Thông qua tài khoản của người thụ hưởng mở tại ngân hàng B. Trực tiếp từ cơ quan BHXH hoặc tổ chức dịch vụ được cơ quan BHXH ủy quyền C. Thông qua người sử dụng lao động D. Thông qua chủ tịch công đoàn cơ sở Đáp án đúng: D
182.	Câu 182. Người tham gia BHXH tự nguyện được hưởng trợ cấp thai sản khi có thời gian đóng từ đủ bao nhiêu tháng trong vòng 12 tháng trước khi sinh con? A. 03 tháng trở lên B. 04 tháng trở lên C. 06 tháng trở lên D. 09 tháng trở lên Đáp án đúng: C
183.	Câu 183. Trong trường hợp chỉ mẹ tham gia BHXH mà mẹ chết sau khi sinh, thì ai được hưởng trợ cấp thai sản? A. Ông bà nội B. Người sử dụng lao động C. Cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng D. Bác hoặc cô ruột của đứa trẻ Đáp án đúng: C
184.	Câu 184. Khi người lao động vừa có đủ điều kiện hưởng chế độ thai sản ở cả BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện, thì người đó được hưởng chế độ thai sản: A. Cả hai chế độ B. Chế độ có mức cao hơn C. Chế độ BHXH bắt buộc D. Chế độ BHXH tự nguyện Đáp án đúng: C
185.	Câu 185. Theo Luật BHXH năm 2024, mức trợ cấp thai sản trong BHXH tự nguyện được quy định là bao nhiêu cho mỗi con được sinh ra? A. 1.000.000 đồng B. 2.000.000 đồng C. 3.000.000 đồng

	D. 5.000.000 đồng Đáp án đúng: B
186.	Câu 186. Lao động nữ là người dân tộc Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo khi sinh con được hưởng trợ cấp thai sản trong BHXH tự nguyện như thế nào? A. Chỉ mức trợ cấp thai sản như quy định chung B. Trợ cấp thai sản kèm chính sách hỗ trợ khác theo quy định của Chính phủ C. Trợ cấp một lần theo lương cơ sở D. Trợ cấp bằng hiện vật thay vì tiền mặt Đáp án đúng: B
187.	Câu 187. Đối với lao động nam có thời gian đóng BHXH từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm, mức lương hưu hằng tháng được tính bằng bao nhiêu phần trăm mức bình quân thu nhập làm căn cứ đóng BHXH cho 15 năm đầu tiên? A. 35% B. 45% C. 40% D. 50% Đáp án đúng: C
188.	Câu 188. Người tham gia BHXH tự nguyện là lao động nam sẽ được hưởng trợ cấp một lần khi nghỉ hưu nếu có thời gian đóng BHXH: A. Từ đủ 20 năm trở lên B. Cao hơn 35 năm C. Cao hơn 30 năm D. Từ đủ 15 năm trở lên Đáp án đúng: B
189.	Câu 189. Trường hợp người đã đủ tuổi nghỉ hưu mà tiếp tục tham gia BHXH tự nguyện thì mức trợ cấp một lần khi nghỉ hưu cho mỗi năm đóng thêm được tính bằng: A. 0,5 lần mức bình quân thu nhập đóng BHXH B. 1 lần mức lương tối thiểu vùng C. 2 lần mức bình quân thu nhập làm căn cứ đóng BHXH D. Không được hưởng thêm trợ cấp Đáp án đúng: C
190.	Câu 190. Thời điểm hưởng lương hưu đối với người tham gia BHXH tự nguyện được tính từ lúc nào? A. Từ ngày ký quyết định nghỉ hưu B. Từ ngày người lao động nộp hồ sơ nghỉ hưu C. Từ ngày đầu tiên của tháng liền kề sau tháng đủ điều kiện hưởng lương hưu

	theo quy định D. Từ ngày người lao động nhận được quyết định nghỉ hưu Đáp án đúng: C
191.	Câu 191. Trường hợp người tham gia BHXH tự nguyện đóng một lần cho những năm còn thiếu theo quy định thì thời điểm hưởng lương hưu là: A. Ngày đầu tiên của tháng đóng đủ số tiền còn thiếu B. Ngày ký xác nhận hoàn thành nghĩa vụ đóng BHXH C. Ngày đầu tiên của tháng liền kề sau tháng đóng đủ số tiền cho những năm còn thiếu D. Ngày người lao động đủ tuổi nghỉ hưu Đáp án đúng: C
192.	Câu 192. Trường hợp người lao động tham gia BHXH tự nguyện đủ điều kiện hưởng cả lương hưu và BHXH một lần thì: A. Chỉ được hưởng lương hưu. B. Chỉ được hưởng BHXH một lần. C. Được hưởng cả hai. D. Được lựa chọn hưởng lương hưu hoặc BHXH một lần. Đáp án đúng: D
193.	Câu 193. Theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, người lao động dừng đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện trong trường hợp nào thì được bảo lưu thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội? A. Khi đã đủ điều kiện hưởng lương hưu nhưng chưa làm thủ tục hưởng B. Khi chưa đủ điều kiện hưởng lương hưu hoặc chưa nhận BHXH một lần hoặc chưa hưởng trợ cấp hằng tháng C. Khi có thời gian đóng BHXH dưới 5 năm và chưa nhận trợ cấp thất nghiệp D. Khi bị tạm dừng hợp đồng lao động có thời hạn Đáp án đúng: B
194.	Câu 194. Theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, mức bình quân thu nhập làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện được tính như thế nào? A. Bằng mức thu nhập trung bình của 5 năm cuối cùng trước khi nghỉ hưu B. Bằng bình quân các mức thu nhập làm căn cứ đóng BHXH của toàn bộ thời gian đóng C. Bằng mức lương cơ sở nhân với hệ số lương của người lao động D. Do người lao động và cơ quan BHXH thỏa thuận Đáp án đúng: B
195.	Câu 195. Người có mức suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc là người khuyết tật đặc biệt nặng phải bổ sung gì trong hồ sơ hưởng BHXH một lần? A. Bản sao học bạ hoặc giấy khai sinh

	B. Bản sao quyết định nghỉ việc C. Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa hoặc giấy xác nhận mức độ khuyết tật đặc biệt nặng D. Sổ hộ khẩu và giấy chứng nhận thương binh Đáp án đúng: C
196.	Câu hỏi 196. Khi người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện bị Tòa án tuyên bố là đã chết, ai sẽ được hưởng trợ cấp mai táng? A. Người sử dụng lao động B. Cá nhân hoặc tổ chức đã đóng BHXH cho họ C. Tổ chức từ thiện D. Thân nhân của người bị tuyên bố đã chết Đáp án đúng: D
197.	Câu 197. Người vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và BHXH tự nguyện khi chết thì thân nhân được hưởng trợ cấp tuất một lần tối thiểu bằng bao nhiêu? A. 2 lần mức bình quân tiền lương và thu nhập làm căn cứ đóng BHXH. B. 3 lần mức bình quân tiền lương và thu nhập làm căn cứ đóng BHXH. C. 4 lần mức lương hưu hằng tháng. D. 5 lần mức lương cơ sở. Đáp án đúng: B
198.	Câu 198. Người tham gia BHXH vừa bắt buộc vừa tự nguyện sẽ được hưởng trợ cấp mai táng theo chính sách BHXH bắt buộc khi đã có đủ điều kiện nào sau đây? A. Từ đủ 6 tháng đóng BHXH bắt buộc B. Từ đủ 10 tháng đóng BHXH bất kỳ C. Từ đủ 12 tháng đóng BHXH bắt buộc trở lên D. Từ đủ 24 tháng đóng BHXH tự nguyện Đáp án đúng: C
199.	Câu 199. Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, lương hưu và chế độ BHXH tự nguyện được chi trả theo hình thức nào sau đây? A. Qua người thân đứng tên nhận thay. B. Qua tài khoản ngân hàng hoặc trực tiếp từ cơ quan BHXH hay tổ chức dịch vụ được cơ quan BHXH ủy quyền. C. Chỉ được nhận bằng tiền mặt tại cơ quan BHXH. D. Chuyển phát qua bưu điện bắt buộc. Đáp án đúng: B
200.	Câu 200. Theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, quỹ BHXH được sử dụng để chi trả chế độ nào sau đây? A. Chế độ bảo hiểm y tế tự nguyện

	B. Chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện C. Chế độ bảo hiểm thất nghiệp D. Chế độ bảo hiểm cháy nổ bắt buộc Đáp án đúng: B
201.	Câu 201. Theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, người lao động nghỉ việc do mắc bệnh thuộc danh mục cần chữa trị dài ngày sẽ được quỹ BHXH chi trả bảo hiểm y tế trong trường hợp nào? A. Khi nghỉ việc từ 7 ngày trở lên trong tháng B. Khi có xác nhận của tổ chức công đoàn C. Khi nghỉ việc hưởng trợ cấp ốm đau D. Khi không có hợp đồng lao động Đáp án đúng: C
202.	Câu 202. Trường hợp nào dưới đây được quỹ bảo hiểm xã hội chi trả phí khám giám định mức suy giảm khả năng lao động? A. Người sử dụng lao động không đồng ý giới thiệu đi giám định B. Người lao động tự đi khám giám định và kết quả không đủ điều kiện hưởng chế độ C. Người lao động tự đi khám giám định và kết quả đủ điều kiện hưởng chế độ BHXH D. Người lao động đi khám theo yêu cầu của công đoàn Đáp án đúng: C
203.	Câu 203. Theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, đối tượng nào được tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung? A. Chỉ người lao động B. Chỉ người sử dụng lao động C. Cơ quan bảo hiểm xã hội và người lao động D. Người sử dụng lao động và người lao động Đáp án đúng: D
204.	Câu 204. Người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu thì có quyền: A. Khiếu nại đến Chủ tịch Quốc hội B. Khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội C. Khiếu nại lần hai đến thủ trưởng cơ quan BHXH cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc khởi kiện tại Tòa án D. Gửi đơn đến cơ quan công an Đáp án đúng: C
205.	Câu 205. Đối với khiếu nại liên quan đến chế độ BHXH trước ngày 01/01/1995 mà không còn hồ sơ gốc, ai có thẩm quyền giải quyết lần đầu? A. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

- | | |
|--|---|
| | <p>B. Thủ trưởng cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh</p> <p>C. Cục trưởng Cục BHXH Bộ Quốc phòng</p> <p>D. Bộ trưởng Bộ Nội vụ</p> |
|--|---|

Đáp án đúng: B